

Trần Tế Xương

Trần Tế Xương lúc nhỏ bố mẹ đặt tên là Trần Duy Uyên. Sinh ngày 10 - 8 năm Canh Ngọ (5 - 9 - 1870 Dương lịch) ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định (nay thuộc phố hàng nâu Nam Định). Lớn lên tự là Mặc Trá, hiệu Mộng Tích, Tử Thịnh. Ông đậu Tú Tài năm Giáp Ngọ (1894) nên người đời thường gọi ông là Tú Xương.

Tú Xương thuộc dòng dõi nho gia, tổ tiên có người lập công lớn đời nhà Trần nên được đổi họ vua (quốc tính). Năm mười sáu tuổi ông lấy vợ là bà Phạm thị Mẫn sinh được sáu trai và hai gái . Bà Tú là một phụ nữ Việt Nam điển hình, thương chồng con, tảo tần quán xuyến.

Dù thông minh xuất khẩu thành chương, nhưng khoa hoạn lận đận, ông thi tám lần mà chỉ đậu Tú Tài thêm thủ (lấy thêm). Sống giữa thị thành, giáp mặt với xã hội thời Pháp thuộc nhiều đổi thay đến chóng mặt, nên thơ ông ghi lại nhiều bức tranh của thời cuộc, đầy dẫy tiếng cười cùng nước mắt.

Tú Xương mất năm 1907, ba mươi bảy năm cuộc đời ngắn ngủi của ông toàn nằm trong giai đoạn bi thương của đất nước, dùng ngòi bút dũa cưa và trào phúng giễu mình, tức là giễu đời, phanh phui mọi cái nhỏ nhãng, ông đã chửi là ra chửi, chửi đích danh không kiêng dè ai cả.

Tú Xương có một khả năng gây cười rất linh hoạt, ông nhìn góc cạnh nào cũng đáng cười. Thủ pháp của ông tinh diệu, biến hóa và sinh động. Ông tạo ra những tình huống ngược đời, hoặc cường điệu, phóng đại sự việc, lợi dụng sự đa nghĩa dị âm dị nghĩa, nhờ ông mà tiếng Việt thêm phong phú .

Độc đáo hơn nữa là ông vờ vuốt ve địch thủ rồi bất ngờ đánh gục. Ngòi bút tả chân biếm họa của ông sần sật, lột ngay đặc điểm nhân vật. Ông còn “động vật hóa” những đối tượng chỉ trích đến buồn cười, muôn hình muôn vẻ, ngôn ngữ Tú Xương là ngôn ngữ cuộc sống, đầy ắp chất liệu, dùng toàn khẩu ngữ dân gian. Nghệ thuật giản dị đến mức tinh diệu, không màu mè điển cổ, từ Hán, hay ước lệ theo lối cổ điển.

Tú Xương khôn lỉnh, ông tự cười mình trước, xong tha hồ cười thiên hạ, nên chẳng ai trách ông được . Ông bỡn không sót một ai, từ dân đến quan, từ già đến trẻ, thậm chí nhà sư ông cũng không tha . Bọn lính Pháp, vợ chồng viên quan sứ, Tú Xương cũng chẳng từ .

Xuyên qua dòng thơ đặc sắc châm biếm hiện thực, ta còn thấy ở Tú Xương một bút pháp trữ tình lãng mạn, ông vừa có tài vừa có tâm, cái chửi của ông luôn xây dựng, vạch rõ cho thiên hạ thấy mà tránh, kẻ bị lột mặt nạ xấu hổ phải chừa. Bất lực vì thời cuộc, vì bản thân, Tú Xương nhìn cuộc đời đôi khi cay cú, nhưng quý nhất là cái tâm ông lúc nào cũng vẫn sáng, ông cố giữ lòng thanh bạch để cảnh tỉnh mọi người .

Xuyên suốt qua tác phẩm của Tú Xương, cho dù ông có trào lộng chua cay đến mực nào ta vẫn cảm nhận được một tâm hồn đầy nhân bản, một tấm lòng nghệ sĩ đôn hậu thủy chung.

Tài thơ của ông được xếp thứ năm sau ba thi hào dân tộc (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương) và Đoàn Thị Điểm.

Và độc đáo hơn, Tú Xương còn là ông tổ của họ Tú, họ cười như Tú Mỡ, Tú Sự, Tú Xuất, Cử Nạc, Đồ Phồn, Tú Doanh, Tú Sốt Các ông Tú, ông Cử ấy xếp châu bên sự phụ Tú Xương, họp thành một hội chuyên châm chích thiên hạ .

Người dân Nam Định tự hào: “Đọc thơ Xương, ăn chuối Ngự”.
Tân Đà còn sống cũng nói: “Trong các thi sĩ tiền bối, phục nhất Tú Xương”.
Trần Thanh Mai gọi Tú Xương là “Nhà thơ thiên tài”.
Nguyễn Công Hoan tôn Tú Xương là: “Bậc thần thơ thánh chữ”.
Đặng Thái Mai khen Tú Xương là “Thầy Tú biết cười”.
Nguyễn Tuân biểu dương Tú Xương là “Nhà thơ có nhiều công đức trong công cuộc trường kỳ xây dựng tiếng nói văn học của dân tộc Việt Nam”.

Xuân Diệu viết về Tú Xương:
“Ông Nghè ông Thám vô mây khói
Đứng lại văn chương một Tú Tài”

Nhà thơ Nguyễn Khuyến khi đến viếng mộ Tú Xương cũng đã viết:
“Kìa ai chín tuổi xương không nát
Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn”

Nam Tuấn
1992

(Trích tập THƠ TÚ XƯƠNG . Vũ Hạnh Hiến tuyển chọn NXB Thanh Niên Hà Nội 1992)

Phụ lục

Xuân Nhật Ngẫu Hứng

Xuân từ trong ấy mới ban ra
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà
Đi đệt ngoài sân tràng pháo chuột
Đỏ lòm trên vách bức tranh gà
Chí cha, chí chất khua giày dép
Đen thúi, đen thui cũng lượt là
Dám hỏi những ai lòng cố quốc
Rằng: xuân, xuân mãi thế ru mà.

Than Đạo Học

Đạo học ngày nay đã chán rồi,
Mười người đi học, chín người thôi
Cô hàng bán sách lim dim ngủ,
Thầy khoa tư lương nháp nhồm ngời.
Sĩ khí rụt rè, gà phải cáo,
Văn trường liêu lĩnh, đấm ăn xôi.
Tôi đâu dám mĩa làng tôi nữa ?
Trình có ông tiên thứ chỉ tôi.

Than Nghèo

Cái khó theo nhau mãi thế thôi
Có ai, hay chỉ một mình tôi ?
Bạc đâu ra miệng mà mong được ?
Tiền chữa vào tay đã hết rồi
Van nợ lắm khi tràn nước mắt
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi

*Biết thân thuở trước đi làm quách
Chẳng ký, không thông, cũng cậu bồi !*

Than Sự Thi

*Cử nhân: cậu ám Kỳ ,
Tú tài : con đồ Mỹ
Thi thế mà cũng thi !
Ới khi ơi là khi !*

(1) ám Kỳ và con của đồ lại Mỹ, đều là kẻ dốt nát, vì đút tiền được đỗ.

Than Thân Chưa Đạt

*Ta phải trang xong cái nợ ta
Lẽ đâu chịu nợ mãi ru mà ?
Đường con, bu nó một năm một
Tính tuổi nhà thầy ba lẻ ba
Mở mặt quyết cho vua chúa biết
Đua danh kéo nữa, mẹ cha già
Năm nay ta học, năm sau đỗ
Chẳng những Lương Đường cũng thủ khoa . (1)*

(1) Lương Đường: tên làng, nay là làng Lương Ngọc, thuộc tỉnh Hải Hưng, nổi tiếng có nhiều người đỗ đạt .

Thành Pháo

*Tượng tượng, xe xe xé lẻ rồi
Sĩ đen, sĩ đỏ chẳng vào đôi
Đố ai biết được quân nào kết ?
Mã cũng chui mà tốt cũng chui*

Thật Vô Tích (1)

*Trời đất sinh ra chán vạn nghề
Làm thầy, làm thợ, lại làm thuê
Bác này mới thật là vô tích
Sáng vác ô đi, tối vác về !*

(1) Thật vô tích: Ý thật là vô tích sự

Thề với người ăn xin

*Người đói thì tôi cũng chẳng no
Cha thằng nào có tiếc không cho
Họ đày đọa mãi dân cày cuốc
Ai xét soi cho cảnh học trò
Mong được cơm no cùng áo ấm
Gặp toàn nắng lửa với gió mưa*

Miếng ăn đến miệng là thừa kiện
Lúa rữ chân đê chữa được vò.

Thi Hồng

Mai không tên tở, tở đi ngay,
Giỗ Tết từ đây nhớ lấy ngày
Học đã sôi com nhưng chữa chín
Thi không ăn ớt thế mà cay .
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ,
Thưng đấu nhờ tay một mẹ mà
Cống hỉ, mét xì, đây thuộc cả,
Chẳng sang Tàu, tở cũng sang Tây .

Thi Phúc

Này này hương thi đỗ khoa nào ?
Nhân hậu hay lòng quan thượng Cao (1)
Người ta thi chữ, ông thi phúc (2)
Dù dở, dù hay ông cũng vào (3)

(1) Quan thượng Cao: tức Cao Xuân Dục, người làng Thịnh Mỹ, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. đỗ cử nhân năm 1877. Ông đã từng là tổng đốc Nam Định, thượng thư bộ Học. Khoa thi Hương này ông được cử làm chánh chủ khảo, trường Nam có tiếng là chăm nói tay

(2) Thi gặp may (nhờ có phúc) mà đỗ

(3) Vào: thông thường thi hương phải qua 4 kỳ. Đạt được kỳ trước mới được vào kỳ sau. Đây có ý là đỗ .

Thói Đời

Người bảo ông điên, ông chẳng điên
Ông thương, ông tiếc hóa ông phiền
Kẻ yêu người ghét hay gì chữ
Đưa trọng đưa khinh chỉ vì tiền
Ở bể ngậm ngùi con tói lạch
Được voi tấp tểnh lại đòi tiên
Khi cười khi khóc khi than thở
Muốn bỏ văn chương học võ biên

Thông Gia Với Quan

Gái góa đem mình tựa cửa quan
Nghĩ rằng quan lớn thế thì sang
Thương con toan lấy dây tơ buộc
Kén rể vì tham cái lọng tàn
Nào có ra chi phường khổ lục (1)
Thôi thì cũng tủi kiếp hồng nhan
Cậu này ắt hẳn hay nghề sáo (2)
Dây vĩ dây vĩ vụng ngón đàn (3)

(1) Phường khổ lục: do chữ "xích khóa tử đệ" (con em bọn khổ đồ) nghĩa là bọn con quan.

(2) Nghề sáo: mồm cậu ồm chum chúm như thổi sáo, cho nên tác giả đùa là làm nghề thổi sáo

(3) Ý nói vụng dốt vĩ dất.

Thú Cô Đầu

Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,
Cùng nhau đan díu mấy đêm ngày
Năm canh to nhỏ tình dơi chuột,
Sáu khắc mơ màng chuyện gió mây.
Ém ái cung đàn chen tiếng hát,
La đà kẻ tỉnh dất người say.
Thú vui chơi mãi mà không chán,
Vô tận kho trời hết lại vay.

Thương Vợ

Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Nuôi đủ năm con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo xèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ, âu đành phận
Năm nắng mười mưa, dám quản công
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc!
Có chồng hờ hững cũng như không!

Tiến Sĩ Trung Thu

Ông đồ khoa nào ở xứ nào?
Thế mà hoa hốt với trâm bào
Một năm, một tiết trung thu đến
Tôi vẫn quen ông chẳng muốn chào.

Tự Đắc

Ta nghĩ như ta có đại gì,
Ai chơi, chơi với, chẳng cần chi.
Kìa thơ tri kỷ đàn anh nhất,
Nợ khách phong lưu bạc thứ nhì.
Ăn mặc vẫn ra người thiệp thế,
Giang hồ cho biết bạn tương tri.
Gặp thời, gặp vận nên bay nhảy,
Cho thỏa rằng sinh chẳng lỗi thì.

Tự Trào

Ở phố Hàng Nâu có phống sành (1)
Mất thời lơ láo mặt thời xanh
Vuốt râu nịnh vợ con bu nó
Quắc mắt khinh đời cái bộ anh
Bàí bạc kiêu cò cao nhất xứ
Rượu chè trai gái đủ tam khoanh
Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi

Cứ việc ăn chơi, chẳng học hành

(1) Phố Hàng Nâu: Phố Tú Xương ở, thành phố Nam Định

Tự Ván

*Trải mấy mươi năm vẫn thế ru ?
Rằng khôn ? Rằng dại ? Lại rằng ngu ?
Nhưng là thương cả cho đời bạc
Nào có căm đâu đến kẻ thù
No ấm chưa qua vành mẹ đỡ
Đỗ đành may khỏi tiếng cha cu
Phen này có dễ trời xoay lại
Thằng bé con con đã chán cù.*

Về Đi Cây

*Hán tự, chẳng biết Hán
Tây tự, chẳng biết Tây
Quốc ngữ cũng tịt mịt
Thôi trở về đi cây*

*Trồng ngô và trồng đậu
Cấy chiêm lại cấy mùa
Ăn không hết thì bán
Bán, đã có Tây mua*

*Được tiền thì mua rượu
Rượu say rồi cưới trâu
Cưới trâu thế mà vững
Có ngã cũng không đau*

*Ăn lương hàm chính thất
Thôi thôi thế cũng xong
Ví bằng nhà nước dụng
Phải bỏ tòa canh nông.*

Vị Hoàng Hoài Cổ

*Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đờ!*

Than Cùng

*Khách hỏi nhà ông đến
Nhà ông đã bán rồi.
Vợ lăm le ở vú,
Con tấp tễnh đi bồi.
Ai trói voi bỏ rọ?
Đời nào lợn cạo ngói?
Người bảo ông mãi cùng
Ông cùng thế này thôi!*

Than Cùng II

Lúc túng toan lên bán cả Trời,
Trời cười: - "Thằng bé nó hay chơi!"
Cho hay công nợ là như thế,
Mà vẫn phong lưu suốt cả đời.
Tiền bạc phó cho con mụ kiếm,
Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi.
Còn năm, ba chữ nhồi trong ruột,
Khéo khéo không mà nữa cũng rơi!

Tết Dán Câu Đối

"Nhập thế cục bất khả vô văn tự" (1)
Chẳng hay ho cũng nghĩ một vài bài.
Huống chi mình đã đỗ tú tài,
Ngày tết đến cũng phải một vài câu đối.
Đối rằng:
"Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài, (2)
Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt" (3)
Viết vào giấy dán ngay lên cột
Hỏi mẹ mà rằng dốt hay hay ?
Rằng hay thì thực là hay,
Chẳng hay sao lại đỗ ngay tú tài !
Xưa nay em vẫn chịu ngài (!) ...

(1) Bước vào cuộc đời thì không thể nào không có văn chương chữ nghĩa .

(2) Cái phẩm giá tốt cùng trong thiên hạ là tình đối với trăng gió .

(3) Cái phong lưu bậc nhất ở trên đời là tính khí giang hồ (tự do phóng khoáng không chịu để cho cái gì ràng buộc).

Tết Tặng Cô Đầu

Ngày xuân mừng quý khách
Khi vui lo đàn phách
Chuyện nỏ như gạo rang
Chuyện dài như chảo rách
Đổ cả bốn chân giường
Xiêu cả một bức vách

Tặng Người Quen

Em gửi cho anh mảnh lụa đào
Phát phơ tươi tốt, đẹp làm sao
Của này ý hẳn trong nhà có,
Hay cậy người mua ở nước nào ?
May đo chỉ nên đôi cái dải
Thắt lưng cũng ngại chẳng tao (1)
Muốn lên hỏi giá mua dài tám,
Không hiểu rằng em bán thế nào ?

(1) Muốn để may áo thì đây chỉ đủ làm hai cái dải áo (thời xưa áo buộc bằng dải, không có cúc), còn muốn làm thắt lưng cũng ngắn quá, chưa đủ một vòng.

Ta Chẳng Ra Chi

Nếu có khôn ngoan đã vợ nhờ
Đại mà nhờ vợ, vợ làm nợ
Sáng nem, bữa tối đòi ăn chả
Nay kiêu, ngày mai lại giờ cờ
Ngồi đấy chả hơn gì chú Cuội
Nói ra thì thẹn với ông Tơ
Nhấn nhẹ chồn ấy tìm nơi khác
Ta chẳng ra chi, chớ đợi chờ

Sư Ông Và Máy Ả Lên Đồng

Chẳng khốn gì hơn cái nợ chồng ! (1)
Thà rằng bạn quách với sư xong !
Một thằng trọc tuếch ngồi khua mõ,
Hai ả tròn xoe đứng múa bông.
Thấp thoáng bên đèn lên bóng cậu (2)
Thướt tha dưới án nguyệt sư ông.
Chị em thủ thi đêm thanh vắng:
"Chẳng sướng gì hơn lúc thượng đồng !"

(1) Giọng lưỡi hạng đàn bà lẳng lơ, vô hạnh.

(2) Tức nhập đồng "cậu"

Sư Ở Tù

Quảng đại từ bi cũng phải tù
Hay là sư cũng vụng đường tu ?
Tụng kinh cứu khổ ba trăm quyển
Ý hẳn còn quên một phép phù ?

Sông Lấp Nam Định

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đờ

Quan Tại Gia

Một ngọn đèn xanh, mấy quyển vàng
Bốn con làm lính, bố làm quan
Câu thơ, câu phú sưu cùng thuế
Nghiên mực, nghiên son tông với làng
Nước quạt chưa xong con nhảy ngựa
Trống hầu chưa dứt bố lên thang
Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ
Đem chuyện trăm năm giở lại bàn.

Phường Nhơ (1)

Bấy lâu chơi với rất phường nhơ
Quen mắt ư nhìn chả biết dơ.
Nào sọt nào quang nào bộ gắp,
Đưa bung đưa hót, đưa đang chờ.
Mình hôi mũi ngạt không kỳ quản
Áo ấm cơm no vẫn nhờn nhơ.
Ngán nổi hàng phường khi cúng tế
Về ông ôm đít để lên thờ ! (2)

(1) Bài này tác giả viết nhân Vũ Tuân đang cày cục Hoàng Cao Khải để được chân hậu bổ.
Phường nhơ : nghĩa đen chỉ những người đi lượm phân, nghĩa bóng chỉ bọn quan lại mưu bồng lọc nhơ bẩn.
(2) Tức "thần tượng" để tế cúng của "phường nhơ".

Phú Hồng Khoa Canh Tý

Đau quá đòn hằn;
Rát hơn lửa bỏng.
Hổ bút hổ nghiên;
Tủi lều tủi chõng.

Ngĩ đến chữ "lương nhân đắc ý" (1) thêm nổi thẹn thùng;
Ngắm đến câu "quyển thổ trùng lai" (2) nói ra ngạt ngào.
Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn bà con trẻ nói vậy mà thiêng;
Nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài bằng nhãn thám hoa lở ra cũng hồng.

Có một thầy:
Dốt chẳng dốt nào;
Chữ hay, chữ lỏng.
Nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao lâu
Hay hát hay chơi, hay nghề xuống lỗng. (3)
Quanh năm phong vận, áo hàng tàu, khăn nhiễu tím, ô lục soạn xanh; (4)
Ra phố nghênh ngang, quần tổ nữ, bút tất tơ, giày Gia Định bóng.
Giá cứ chăm nghề đèn sách thì mười lăm mười sáu đồ tỵ bao giờ;
Chỉ vì quen lối thị thành, nên một tuổi một già, hóa ra lóng đống.
Tú rớt bằng giữa năm Giáp Ngọ, nổi tiếng tài hoa;
Con nhà dòng ở đất Vị Xuyên, ăn phần cảnh nợng (5)

Năm vua Thành Thái mười hai;
Lại mở khoa thi Mĩ Trọng (6)
Kì đệ tam văn đã viết rồi;
Bảng đệ tứ chưa ra còn ngóng.
Thầy chắc hẳn văn chương đúng mực, lễ thánh xem giò;
Cô mừng thầm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng.
Sáng đi lễ Phật, còn kì này kì nữa là xong;
Đêm dậy vái trời, qua mồng bốn mồng năm cho chóng.

Nào ngờ:
Bảng nhỏ có tên
Ngoại hàm còn trống. (7)
Kẻ đến sáng văn còn được chấm, bằng cốt nghênh ngang;
Người ngồi khuya tên hãy được vào, áo dài lưng thụng.
Thi là thế, học hành là thế, trò chuyện cùng ai?

Người một nơi, hồn phách một nơi, than thân với bóng!

Thôi thời thôi:

Sách vở mập mờ;

Văn chương lóng ngóng.

Khoa trước đã chầy;

Khoa sau ắt chóng.

Hắn có kẻ lo toan việc nước, vua chữa dùng tài;

Hay không ai dạy dỗ đàn con, trời còn bắt hồng!

Chú thích:

(1) Người lành đức ý (tin tưởng vận may)

(2) Phân công lại.

(3) Xuống lộng: xuống thuyền (chơi bời, hát xướng).

(4) Ô lục soạn: Ô bằng vải nhiều lụa.

(5) Cảnh nong: Khoanh thịt ở cổ súc vật được làm thịt, dành cho vị chức sắc.

(6) Nơi đặt trường thi

(7) Túc bị đánh hồng (vi phạm trường qui hoặc nộp quyển chậm)

Phòng Không

Em giận thân em mãi chữa chồng

Ngày năm bảy mới tối nằm không

Thiếu gì chón ấy xêu trầu vỏ

Mà lại nơi kia giám cốm hồng

“Hầu ló” khách đờ ba bảy chú

“Mét xì” Tây cũng bốn năm ông

Ép đầu ép mở duyên ai ép

Có mắn may ra đã bế bồng

Phố Hàng Song

Ở phố Hàng Song thật lắm quan, (1)

Thành thì đen kịt, đóc thì lang (2)

Chồng chung vợ chạ, kia cô BỐ

Đậu lạy quan xin, nọ chú Hàn.

(1) Thuộc Nam Định, nối liền với phố Hàng Nâu Tú Xương ở.

(2) Thành: viên phòng thành. Đóc: viên đóc học, có nhiều vết lang trên mặt.

Ông Tiến Sĩ Mới

Tiến sĩ khoa này đỗ mấy người?
Xem chừng hay chữ có ông thôi!
Nghe văn mà gớm cho văn nhĩ
Cờ biển vua ban cũng lạ đời!

Ông Lão

Ông Lão ngày xưa tính thực hiền
Bảy ba vui thú cảnh điền viên
Sách đèn học tập năm Minh Mệnh
Áo mũ ăn ngồi xã Vị Xuyên
Giá phỏng có thi may cũng đỗ,
Thôi thì không lụy thế là tiên
Đầu râu tóc bạc như mua được
Thầy bá nhà quê chán vạn tiền (1)

(1) Bá họ rất nhiều tiền, nếu như tuổi thọ mà mua được như mua phẩm hàm thì họ đã bỏ tiền ra mua rồi!

Ông Hàn Bị Vợ Dọa Bỏ

Ông đã ơn vua một chữ Hàn
Nay lành mai vỡ khéo đa đoan
Được thua hai ngả ba câu chuyện
Khôn dại trăm năm một tiếng đàn
Chim chuột sau này nên gắng sức
Lợn gà thuở ấy đã nên oan
Có ai lành thúng ông không biết
Còn phải mang điều với gái ngoan.

Ông Cử Thứ Năm

Ông cử thứ năm, con cái ai ? (1)
Học trò quan đốc Tả Thanh Oai.
Nghe tin, cụ cố cười ha hả
Vứt cả dao cầu xuống ruộng khoai !
Thứ năm, ông cử ai làm nổi,
Học trò quan đốc tỉnh Hà Nội ?
Nghe tin, bà cố cười khi khi
Đổ cả riêu cua xuống vũng lội! (2)

(1) Ông cử này bố là ông lang, mẹ bán bún riêu, may đỗ cao (thứ năm), thực học cũng xoàng.

(2) Trong bài này, Tú Xương đã phá phách niêm luật thơ Đường, tạo nên một "ai" rất mới.

Ông Cử Nhu

Sơ khảo khoa này bác cử Nhu
Thực là vừa dốt lại vừa ngu
Văn chương nào phải là đơn thuốc
Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu

Ông Cử Ba (1)

Cửa Vũ ba nghìn sóng nhẩy qua
Ai ngờ mũ áo đến ba ba !
Đầu như lơng đất mà không lấm
Thân tựa xà hạc cũng ngó ra
Dưới nước chẳng ưa, ưa trên cạn
Đất sét không ăn, ăn thịt gà
Tuy rằng cổ rụt mà không ngông,
Hễ cần ai thì sét mới tha (2)

(1) Ông Cử là con thứ ba cho nên gọi là Cử Ba, nhân đó nhà thơ lấy con ba ba để giễu .
(2) Người ta thường nói: ba ba hễ cần được ai thì có sấm sét mới chịu nhả .

Không Học Văn Tây

Mợ bảo văn Tây chẳng khó gì ! (1)
Cho tiền đi học để chờ thi.
Thôi thôi lạy mợ "xanh cẳng" lạy. (2)
Mả tổ tôi không táng bút chì !

(1) Văn Tây : chữ quốc ngữ.
(2) Xanh cẳng : 50 (tiếng Pháp).

Làm Lễ

Cha kiếp sinh ra phận má hồng
Khéo thay một nỗi lấy chung chồng
Mười đêm chị giữ mười đêm cả
Suốt tháng em nằm suốt tháng không
Hầu hạ đã cam phần cát lữ (1)
Nhặt khoan con ồm tiếng Hà Đông
Ai về nhắn bảo đàn em nhé
Có ế thì tu, chớ chớ chung.

(1) Cát lữ: dây leo, địa vị thấp hèn của người làm vợ lẽ .

Làm Lễ Thứ Tư

Những trách có mình tính lẳng lơ
Làm hai chẳng muốn, muốn làm tư !
Say đường buôn bán nên không lái
Tính chuyện trắng hoa phải mắc lừa
Ấy bởi làm về anh bọm gốc
Thôi đừng trách lẫn tại ông tơ
Lời này nhắn bảo người son phấn
Nghĩ mới sâu kia đã biết chưa ?

Lên Đồng

Khen ai khéo vẽ sự lên đồng
Một lúc lên ngay sáu bảy ông
Sát quỷ ông dùng thanh kiếm gỗ
Ra oai bà giắt cái khăn hồng
Cô giương tay ấn tan tành núi
Cậu chỉ ngọn cờ cạ núi sông
Đồng giới, sao đồng không giúp nước
Hay là đồng sợ sủng thần công?

Lụt Năm Bính Ngọ (1)

Thử xem một tháng mấy lần mưa
Ruộng hóa ra sông cỏ vật vờ
Bát gạo Đồng Nai câu chuyện cũ (2)
Con thuyền Quý Ty nhớ năm xưa (3)
Trâu bò buộc căng coi buồn nhĩ,
Tôm tép khoe mình đã sướng chưa ?
Nghe nói miền Nam trời đại hạn,
Sao không san sẻ nước cho vừa ?

(1) Tức năm 1906

(2) Năm trước Bắc Kỳ bị lụt to, sau đó xảy ra nạn đói ghê gớm, phải chở gạo Nam Kỳ (Đồng Nai) ra phát chẩn.

(3) Quý Ty: năm 1893 cũng có lụt to đến nỗi có thể chở thuyền vào trong đường phố, dân chết cũng nhiều. Do đó có thành ngữ
“Lụt tràn Quý Ty”

Mai Mà Tớ Hồng

Mai mà tớ hồng tớ đi ngay
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày (1)
Học đã sôi cơm nhưng chưa chín,
Thì không ăn ớt thế mà cay !
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ
Thưng đấu nhờ tay một mẹ mày (2)
“Hầu ló”, “mét xi” thông mọi tiếng (3)
Chẳng sang Tàu tớ cũng sang Tây

(1) Nhớ lấy ngày: nhớ lấy ngày ra đi mà làm giỗ, coi như chết.

(2) Thưng đấu: cái thưng và cái đấu. Hai thứ dùng để đong thóc gạo. Cả câu ý nói: việc buôn bán kiếm sống nhờ cậy cả ở bà vợ

(3) Hầu ló: tiếng Tàu Quảng Đông: tốt đẹp.

Mét xi: tiếng Pháp: cảm ơn

Có bản chép: “Cổng hi, Mét xi đây thuộc cả”

Mẹ Vợ Với Chàng Rể

Ai về nhắn bảo việc này cho :
Nhấn bảo ai rằng việc nhờ to ! (1)
Chép miệng, bà nuôi to cái đại,
Phờ râu, ông rể ẵm con so !
Cắm sào sâu quá nên thêm khổ, (2)
Néo chặt dây vào hoá phải lo.
Vẫn biết sống lâu nhiều sự lạ
Từ qui thất lại một "con cò". (3)

(1) Chuyện mẹ vợ và con rể tư thông đến có con.

(2) Cắm sào sâu khó nhổ (tục ngữ) : quá thân thiết.

(3) Từ qui: thác về. ý câu : Rốt cuộc chết vì một "con cò".

Mỏng Hai Tết, Viếng Cô Ký

Cô ký sao mà đã chết ngay ?
Ô hay, trời chẳng nể ông Tây !
Gái tơ đi lấy làm hai họ,
Năm mới vừa sang được một ngày.
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ
Ông chồng thương đến cái xe tay !
Góm ghê cho những cô con gái,
Mà vẫn đua nhau lấy các thầy !

Một Nén Hương Tâm

Im im thâu đêm lại tháng ngày
Bệnh đâu có bệnh lạ lùng thay !
Thuốc thang nghĩ lại chua mà đắng
Đường mật xem ra ngọt hóa cay
Lắm bệnh bạn bè lui lại ít
Nặng lòng họ mạc hỏi han đầy
Chỉ bèn một nén hương tâm nguyện
Thuốc thánh bùa tiên ắt chẳng chầy

Mừng Chủ Làm Nhà Mới

Ông bà ngày trước có gì đâu
Chú thím ngày nay đã lại giàu
Mới biết trời cho không mấy lúc
Lọ là nuôi cá với trồng cau
Nhà gỗ năm gian lợp lá gồi
Trông dòng sông Vị tựa non Côi
Đầu nhà khánh khách vào làm tổ
Ngồi thấy chim non nó há mồi
Kể chi giàu của lại giàu con
Gái gái trai trai hai cỡ tròn

Bà mới bảy mươi còn thọ nữa
Phúc nhà có để chứa tầy non
Chú lại nuôi thầy dạy các em
Một bồ kinh sử, mấy xâu nem
Đất nào là đất không khoa giáp
Quyết mở đường cho thiên hạ xem.

Mừng Ông Cử Lậy Vợ Kế

Một sớm ơn vua chiếm bằng vàng
Lam Kiều lối cũ lại lần sang
Câu văn Hán, Tống hay ghê gớm
Quyển truyện Phan Trần thuộc cháo chan
Gỗ tốt nữ đem trồng cột giậu
Chim khôn sao khéo đậu nhà quan
Làng nho ai lại hơn ông nhỉ
Có lẽ ông nay sướng nhất làng

Mừng Ông Lang

Làm thuốc như ông cũng có tài
Thực là chăm chỉ lại lanh trai
Phen này mò mã nhà ta phát
Thi cử, hai con đỗ cả hai

Muốn Hóa Ra Dưa

Ước gì ta hóa ra dưa
Để cho người tắm nước mưa chậu đồng
Ước gì ta hóa ra hồng
Để cho người bế người bồng người chơi

Năm Mới

Khéo bảo nhau rằng: mới với me
Bảo nhau rằng cũ chẳng ai nghe
Khăn là bác nọ to tày rế (1)
Váy lĩnh cô kia quét sạch hè.
Công đức tu hành sự có lộ
Xu hào rủng rỉnh Mán ngổ xe
Phong lưu rất mực ba ngày tết
Kiết cú như ta cũng rượu chè.

(1) Rế: đồ dùng đan bằng mây hoặc tre để đỡ nồi cho khỏi nhò và nóng tay .

Ngày Xuân Của Làng Thơ

Ngày ba tháng tám thấy đâu mà (1)
Sao đến đầu xuân lắm thế a ?
Ý hẳn thật xôi lên chặt dạ
Cho nên con tự mới lòi ra ? (2)

(1) Ngày ba tháng tám: khi giáp hạt thiếu đói

(2) Con tự: con chữ; đây chỉ chữ nghĩa văn chương. Nhà thơ đùa: văn chương ngày tết như những thứ mà bụng dạ lên đầy quá phải trục xuất ra ngoài .

Nghèo Mà Vui

Kể suốt thế ai bằng anh Mán
Trải mùi đời, khôn chán giả làm ngây
Hổ sinh ra lúc thời này
An thân mệnh thế, giấu tay anh hùng
Không danh cho dễ vẫy vùng
Mình không phú quý, mắt không vương hầu
Khi để chồm, lúc cạo đầu,
Nghêu ngao câu hát nửa tàu nửa ta
Không đội nón chịu màu da dãi nắng
Chẳng nhuộm răng để trắng để cười đời
Chốn quyền môn luôn cúi mặc ai ai
Ngoài cương tỏa thành thời ai đã biết ?
Chỉ ám ớ giả cầm giả điếc
Cứ vui tràn khi hát khi ngâm
Trên đời mấy mặt tri âm ?

Nhà Nho Giả Danh

Hỏi thăm quê quán ở nơi mô ?
Không học mà sao cũng gọi "đồ" ?
Ý hẳn người yêu mà gọi thế,
Hay là mẹ để đặt tên cho ?
Áo quần đĩnh áo trông ra "cậu".
Ăn nói nề nhàng khác giọng ngô.
Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt,
Mũi nó gỗ gỗ, trán nó giô.

Nhớ Bạn Phương Trời

Ta nhớ người xa cách núi sông
Người xa xa lắm, nhớ ta không?
Sao đang vui vẽ ra buồn bã?
Vừa mới quen nhau đã lạ lùng!
Khi nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng,
Nỗi riêng riêng cả đến tình chung.
Tương tư lợ phải là mưa gió
Một ngọn đèn xanh trống điểm thùng

Ông Âm Mốc

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà
Trước nhà có miếu, có cây đa.
Vườn ao đất cát chừng ba mẫu (1)
Nửa lá tre pheo đủ một toà.
Mới sáu bận sinh đờ sáu cậu,
Trong hai dinh ở, có hai bà.
Trông ông mốc thếch như trăng gió
Ông được phong lưu tại nước da.

(1) Có bản chép: Cửa hè sân ngõ chừng ba thước,

Ông Cò

Hà Nam, danh giá nhất ông cò
Trông thấy ai ai chẳng dám ho
Hỏi mái trống toang đành chịu dột
Tám giờ chuông đánh phải nằm co.
Người quên mất thế âu trời cãi
Chó chạy ra đường có chủ lo.
Ngớ ngẩn đi xia, may vớ được
Chuyến này ắt hẳn kiếm ăn to!

Khóc Vợ Bạn

Quả núi Châu Phong mới bắc cầu (1)
Thương anh về trước chị về sau !
Tên đề bảng phán ai không tiếc
Tiếng khóc non xanh vượn cũng sầu
Có mẹ tưởng là vui gượng lại
Không chồng hồ dễ sống chi lâu !
Bắc thang lên hỏi ông cầm sổ
Thăm thăm mù xanh ngát một màu .

(1) Bắc cầu: cầu Hàm Rồng xây dựng năm 1904.

Khoa Thi

Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,
Âm ọe quan trường miệng thét loa.
Xe kéo rọp trời: quan sứ đến;
Váy lê phét đất, mụ đầm ra .
Sao không nghĩ đến điều tu sĩ ?
Ngánh cổ mà xem lại nước nhà.

Khoa Canh Tý (1900)

Hai đũa tranh nhau cái thủ khoa
Tuân khoe văn hoạt, Nghị văn già
Khoa này đồ rất phùng hay chữ
Kìa bác Lê Tuyên cũng thứ ba.

Khen Vợ

Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ, thôi đành phận,
Năm nắng mười mưa, dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:
Cò chồng hồ hững cũng như không.

Kể Lai Lịch (1)

Cũng võng cũng dù
Cũng hèo cũng quất (2)
ăn, cậu cũng "thời"
Ngủ, bà cũng "giấc" (3)
Tháng rét quạt lông
Mùa hè bít tất.
Tráp tròn sơn đỏ, bà quyết theo trai ;
Điều ống xe dài, cậu đành lễ phật.
Tai gài ngọn bút, anh kia dòng tịch sĩ xuất thân (4)
Lưng giắt thẻ bài, chú nọ loại lính tuần được đất. (5)
Hai cậu con đóng vai ám tử, lối bếp bồi cậu cũng như nhau
Đôi đức bà lên mặt phu nhân, ngón dĩ thoã bà nào cũng nhất .
Nhất tắc mộ sư mô chi cực, nay chùa này mai chùa khác, (6)
mở lòng từ tô tượng đức chuông ;
Nhất tắc ham chài lái chi khu, lên màn nọ xuống màn kia, (7)
che miệng thể đong dầu rót mật.

Thế mà:

Bà vẫn nghênh ngang,
Cậu càng phong vận.
ý hẳn cậu còn tuổi trẻ, tính hãy thơ ngây
Quái thay bà đã về già, cũng còn lẩn thẩn ...[/blue]

(1) Hai nữ nhân vật thành Nam Định, vợ các quan lớn, goá chồng, thường ăn diện rất xa hoa và cho con trai cũng ăn diện như thế. Hai bà này có tính cách và nhiều hành vi giống với bà Phó Đoan (Số đỏ).

(2) Hèo, quất : trang bị của lính hầu kiệu.

(3) Lối nói "sang" của giới quý tộc.

(4) Tịch sĩ: nho sĩ.

(5) ý nói ông quan xuất thân chỉ là lính tuần.

(6) Mộ sư mô chi cực : "rất mực mộ sư mô". Tác giả chơi chữ : "cực" để đọc trệch . . .

(7) đại ý là một người thì ham chơi lái buôn thuyền (chỉ mục Bỏ Cao)

Hót Cửa Trời

Nó rủ nhau đi hót cửa trời (1)
Đang khi trời ngủ, cửa trời rơi.
Hót mau kéo nữa kính trời dậy
Trời dậy thì bay chết bỏ đời !

(1) Bọn quan lại vợ vét cửa dân.

Hồng Thi Khoa Quý Mão (1903)

Trách mình phận hẩm lại duyên ôi !
Đỗ suốt hai trường hồng một tôi
Té đổ làm Cao mà chó thê (1)
Kiện trông ra Tiệp hỏi trời ơi !
Mong gì nhà nước còn thi nữa
Biết rõ anh em chẳng chắc rồi
Mũ áo biển cờ, làng có đất
Ô hay hương vận mãi chưa hồi !

(1) Té, Cao: nhà thơ nguyên tên là Trần Tế Xương. Vì thi hồng mãi đến khoa Quý Mão (1903), ông đổi chữ lót, lấy là Trần Cao Xương, nhưng hồng vẫn hoàn hồng.

(2) Kiện, Tiệp: hai chữ Hán này viết hơi giống nhau, chữ Kiện ông trông nhầm ra chữ Tiệp nên dù bài thi có hay cách mấy cũng bị đánh hồng

Hỏi Ông Trời

Ta lên ta hỏi ông trời
Trời sinh ta ở trên đời làm chi
Biết chẳng cũng chẳng biết gì
Biết ngồi nhà hát, biết đi ả đầu
Biết thuốc lá, biết trà tàu
Cao lâu biết vị, hồng lâu biết mùi.

Hỏi Ông Trăng

Ta lên ta hỏi ông trăng
Họa là ông có biết chẳng sự đời ?
Ông cao, ông ở trên trời
Mà ông soi khắp nước người, nước ta
Năm châu cũng một ông mà
Kể riêng thì lại mỗi nhà, mỗi ông

Hỏi Đùa Minh

Ông có đi thi ký lục không ?
Nghe ông quốc ngữ học chưa thông
Ví dụ nhà nước cho ông đồ
Mỗi tháng lương ông được mấy đồng

Hoá Ra Dưa

Ước gì ta hóa ra dưa
Để cho người tắm nước mưa chậu đồng!
Ước già ta hóa ra hồng
Để cho người bế người bồng trên tay

Hát Tuồng

Nào có ra chi lũ hát tuồng ! (1)
Cũng hò cũng hét cũng y uông
Dẫu rằng đối được đàn con trẻ
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn ! (2)

(1) ám chỉ bọn người tấp tễnh ra làm việc cho thực dân Pháp.
(2) Mặt bôi vôi : nghĩa đen là hoá trang mặt, nghĩa bóng là bôi gio trát trấu lên mặt.

Gửi Ông Thủ Khoa Phan (1)

Mấy năm vượt bể lại trèo non
Em hỏi thăm qua bác hãy còn
Mái tóc Giáp Thìn đã nhuộm tuyết (2)
Điểm đầu Canh Tý chưa phai son (3)
Vá trời gặp hội mây năm về
Lấp bể ra công đất một hòn
Có phải như ai mà chẳng chết ?
Giương tay chống vững cột càn khôn.

(1) Bài thơ này viết về cụ Phan Bội Châu
(2) Giáp Thìn: năm 190, năm cụ Phan Bội Châu xuất dương
(3) Canh Tý: năm 1900, năm cụ Phan Bội Châu đỗ thủ khoa trường Nghệ An.

Gửi Người Cũ

Yêu nhau chẳng lấy được nhau nào.
Mình nghĩ làm sao, tớ nghĩ sao ?
Trai gái bởi tay bà mụ nặn
Vợ chồng nguyên mối chị Hằng trao.
Xa đi ngán nỗi lòng thương nhớ,
Gần lại càng thêm dạ khát khao.
Bến Vị non Nùng xa cách mấy
Mà không buộc chặt sợi tơ đào ?

Giời Nực Mặc Áo Bông

Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông,
Tuồng rằng ốm dậy, hóa ra không.
Một tuồng rách rưới, con như bố,
Ba chữ nghèo ngao, vợ chán chồng.
Đất biết bao giờ sang vận đỏ ?
Trời làm cho bỏ lúc chơi ngông.

Gần chùa, gần cảnh, ta tu quách;
Cửa Phật quanh năm vẫn áo sồng.

Giễu Người Thi Đỗ

Một đàn thằng hồng đứng mà trông,
Nó đổ khoa này có sớng không !
Trên ghế, bà đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân, Ông cử ngẩng đầu rồng.

Gần Tết Than Việc Nhà (1)

Bố ở một nơi con một nơi,
Bấm tay tháng nửa hết năm rồi
Vấn chương ngoại hạng quan không chám (2)
Nhà cửa giao canh nợ phải bồi (3)
Tin bạn hóa ra người thất thổ (4)
Vi ai nên nổi quyền đâm với (5)
Ba mươi mốt tuổi đã bao chóc
Lặn lội trèo non đã mấy hồi.

(1) Bài này làm vào cuối năm Canh Tý (1900) sau khi nhà thơ thi trượt.

(2) Ý nói bài ông bị phạm trường qui, bị đánh hồng.

(3) Giao canh: nhà cửa cầm cố để vay nợ, đến hạn không trả được, chủ nợ đi kiện, phải giao nhà cho chức trách trừ vào nợ.

(4) Thất thổ: do chữ "Vong gia thất thổ á", mất nhà mất đất, hết nơi nương tựa. Vì đã quá tin bạn, cho bạn mượn văn tự nhà mình để đi cầm, sau bạn không trả được nợ, mình mất nhà.

(5) Quyền đâm với: sau mỗi kỳ thi, trừ những quyển lấy đỗ, để vào kinh hoặc giữ làm tang chứng, còn những quyển bị trượt đều đem ngâm làm bột giấy hoặc giã với với để làm vữa trát tường.

Gái Góa Nhà Giàu

Ta thấy người ta vẫn bảo rằng:
Bảo rằng thằng Cuội ở cung trăng
Cõi đời cũng lắm nơi thanh quý
Chị Nguyệt dung chi đũa tục tằn
Mình tựa vào cây, cây chó ỉa
Chân thò xuống giếng, giếng ai ăn
Con người như thế mà như thế
Như thế thì ra nghĩ cũng xằng

Gái Buôn

I.

Nước buôn như chị mới ăn người
Chị thấy ai đâu chị cũng cười
Chiều khách quá hơn nhà thổ ế
Đặt hàng như thể mới tôm tươi
Tiền hàng kẻ thiếu, mi thường đủ
Giá gạo đầu năm, đầy vẫn mười
Thả quýt nhiều anh mong mắt ngấu
Lên rừng mà hỏi chú đười ươi

II.

Ai đẩy ai ơi khéo hợm mình !
Giàu thì ai trọng, khó ai khinh
Thằng Ngô mất gánh, say câu chuyện
Chú lái nghiêng thoi, mắc giọng tình
Có khéo có khôn thì có của
Càng giàu càng trẻ lại càng xinh
Xuống chân lên mặt ta đây nhĩ !
Chẳng biết rằng dơ dáng dạng hình

Đùa Ông Hàn

Hàn lâm tu soạn kém gì ai ?
Đủ cả vung nôi, cả công chai
Vị phỏng quyền thi ông được chấm
Đù cha, đù mẹ đù riêng ai ...

Áo Bông Che Đầu

Hỏi ai, ai đó thương không ?
Đêm mưa một mảnh áo bông che đầu
Vì ai, ai có biết đâu ?
Áo bông ai ướt, khăn đầu ai khô !
Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ, (1)
Kê về khóc trúc Thương Ngô một mình
Non non, nước nước, tình tình,
Vì ai ngơ ngẩn cho mình ngẩn ngơ !

(1) Tam Đảo, Ngũ Hồ: là cảnh tiên, cảnh đẹp (ở Trung Quốc). Cả câu ý nói người đã đi về nơi tiên cảnh.

Ba Thứ Lãng Nhãng ...

Một trà, một rượu, một đàn bà,
Ba thứ lãng nhãng nó quấy ta.
Chừa được thứ nào hay thứ ấy,
Có chẳng chừa rượu với chừa trà !

Bất Được Đồng Tiền

Đầu năm ra cửa được đồng tiền
Nào có cầu đâu, được tự nhiên
Ý hẩn nhà nho sang vận đở
Hay là con tạo thử người đen ?
Muốn đem trả nợ đòi nhà lại
Hay để làm lương giúp nước liền
Của cải vua ta đâu sẵn thế
Chữ đề Tự Đức hãy còn nguyên.

Bệnh

Thua bạc ra đi với mẹ nhà
Bệnh gì chẳng bệnh, bệnh tiêm la

Vui quá đến nỗi ra người dại
Lỡ bước cho nên nhắm mắt qua

Bọm Già (1)

Thầy thầy tứ tứ, phó xênh xang,
Thoạt nhác trông ra ngõ cóc vàng.
Kiện hết sở Tuân, vô sở Sử
Khi thì thầy số, lúc thầy lang.
Công nợ bớp bơ hình chúa Chôm (2)
Phong lưu đài các giống ông hoàng.
Phong lưu như thế phong lưu mãi
Điều ông, xe dài độ mấy gang ?

(1) Một tay bọm đóng nhiều vai, thầy lang, thầy bói, thầy dùi.
(2) Tên này thường luôn lọt vào các công sở để xui nguyên giục bị kiện nhau.

Bốn Người Làm Mối

“Việc bác không xong tôi chết ngay !”
Chết ngay như thế vội vàng thay
Chết riêng để một mình anh nhỉ ?
Sống bạn ra chi lũ chúng mày !
Lấy được con hầu thì nó sướng
Gẫm xem thiên hạ lắm thằng hay !
Đưa ăn đưa ngủ, đưa nào sướng ?
Đưa đắp chăn da, đưa thịt quay !

Bốn Ông Ấm Đầm

Ấm không ra ấm, ấm ra... nòi,
Ấm chạy lảng quăng ấm chẳng ngồi.
Chán cả đồ chuyên cùng chén mẩu
Luộc giò, ninh thịt, lại đồ xôi !

Bốn Tri phủ Xuân Trường

Tri phủ Xuân Trường được mấy niên
Nhờ trời hạt ấy cũng bình yên,
Chữ "thôi" chữ "cứu" không phê đến,
Ông chỉ quen phê một chữ tiền

Buồn Thi Hồng

Bụng buồn còn muốn nói năng chi?
Đệ nhất buồn là cái hồng thi.
Một việc văn chương thôi cũng nhằm
Trăm năm thân thể có ra gì !
Được gần trường ốc vùng Nam Định
Thua mãi anh em cánh Bắc Kỳ.
Rõ thực nôm hay mà chữ tốt
Tám khoa chưa khỏi phạm trường qui

Cái Học Nhà Nho

Cái học nhà nho đã hỏng rồi,
Mười người đi học, chín người thôi .
Cô hàng bán sách lim dim ngủ,
Thầy khóa tư lương nhấp nhòm ngòi.
Sĩ khí rụt rè gà phải cáo,
Văn chương liều lĩnh đấm ăn xôi .
Tội đâu dám mĩa làng tôi nhỉ ?
Trình có quan tiên thứ chỉ tôi.

Cái Khó

Cái khó theo nhau mãi thế thôi
Có ai, hay chỉ một mình tôi
Bạc đâu ra miệng mà mong được
Tiền chửa vào tay đã hết rồi
Van nợ lắm khi tràn nước mắt
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi
Biết rày, thuở bé đi làm quách
Chẳng ký, không thông cũng cậu bồi.

Cái Nhớ

Cái nhớ hình dung nó thế nào ?
Khiến người ngao ngán, ngẩn ngơ sao !
Biết nhau cho lắm thêm buồn nhé,
Để khách bên trời dạ ước ao !

Cảm Hứng

Xấp xỉ ba mươi mấy tuổi đầu
Trăm năm tính đót hãy còn lâu
Vị cho thi đỗ làm quan lớn
Thì cũng nhỏ to cưới chị hầu
Đất nọ vẫn thường hay có chạch (1)
Bể kia có lúc cũng trồng dâu (2)
Hôm nay rồi rãi buồn tình nhỉ
Thử xuống Hàng Thao đập ngón châu.

(1) Chạch: do câu tục ngữ "Đất sỏi chạch vàng" Ý nói ở nơi tầm thường vẫn sinh ra người hào kiệt .

(2) Trồng dâu: theo câu "Thương hải biến vi điền" nghĩa là Biển xanh biến thành nương dâu. Ý nói hy vọng có sự thay đổi tốt cho mình .

Cảm Tết

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo
Tiền bạc trong kho chửa lĩnh tiêu.
Rượu cúc nhẩn đem, hàng biếng quẩy
Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu.
Bánh chưng sắp gói e nôm chấy
Giò lụa toan làm sợ nắng thiêu.
Thôi thế thì thôi đành tết khác,
Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.

Câu Đối Tết

*Thiên hạ xác rồi con đốt pháo
Nhân tình trắng thế rồi lại bôi vôi*

*Không dung xuân đến chi nhà tớ
Có nhẽ trời mà đóng cửa ai*

*Nực cười thay: nêu không, pháp không, vôi bột cũng không, mà tết.
Thôi cũng được: rượu có, nem có, bánh chưng cũng có, thừa chơi .*

*Xuân về chớ để xuân đi, thương kẻ quạt nồng cùng áp lạnh
Năm mới khác gì năm cũ, vạ người bán muối với mua vôi.*

*Vui xuân, xuân cả một trời, có lẽ đâu đâu đâu cũng vậy,
Người học, học cho hết sách, hay là thế thế thế mà thôi*

Chế Bạn Lấy Vợ Bé

*Ông này mê gái thực là mê
Thím khách già kia cũng gớm ghê
Mới hỏi ra chừng chề bạc ít
Gần cheo toan sự trả cau về
Mấy kỳ vẫn khó sao mà được ?
Một sợi tơ hồng chẳng biết về
Lo việc ai bằng ông bạn Bát (1)
Cũng còn nhân nhó chuyện nhiều khê .(2)*

*(1) Ông bạn Bát: ông Bát Huy, giỏi nghề mói lá, chạy vạy có tiếng
(2) Nhiều khê: khó khăn, lòi thòi, rắc rối .*

Chế Ông Đốc Học (1)

*Ông về đốc học đã bao lâu,
Cờ bạc rong chơi rất một màu !
Học trò chúng nó tội gì thế
Để đến cho ông vớ được đầu ?*

(1) Đốc học Nam Định lúc bấy giờ.

Chế Ông Huyện Đ (1)

*Thánh cắt ông vào chủ việc thi (2)
Đêm ngày coi sóc chốn trường qui.
Chẳng hay gian dối vì đâu vậy ?
Bá ngọ thẳng ông biết chữ gì ! (3)*

*(1) Ông huyện Đ được cử làm chủ một kì thi khảo của hội thánh thành Nam.
(2) Việc cử ông chủ thi thông qua cuộc lễ thánh (xin quẻ)
(3) Bá Ngọ : tiếng chửi của nhà sư.*

Chiêm Bao

Bỗng thấy chiêm bao thấy những người
Thấy người nói nói lại cười cười
Tỉnh ra lại tiếc người trong mộng
Mộng thế thì bằng tỉnh mấy mươi.

Chơi Cuộc Tổ Tôm

Bực chẳng nhẽ anh hùng khi vị ngộ
Như lúc đen chơi cuộc tổ tôm
Bài chạm thành cuối cánh phỗng âm âm
Ngồi thôi chẳng bốc quân rác rãnh
Cũng có lúc không chi thì bát sách
Cũng có khi bạch định bốc yêu hồng
Cất bài lên ông lão vẫn lẩn vòng
Không đâu cả gặp kẻ năm bảy phỗng
Cũng có lúc tôm lèo lên chờ rộng
Vớ phải thẳng bạch thủ phỗng tay trên
Góm ghê thay đen thực là đen
Sắc như mác cũng thua thẳng vận đỏ
May mắn nhẽ hữu duyên năng tái ngộ
Bĩ cực rồi đến độ thái lai
Tiếng tam khôi chi để nhường ai
Hết bạch lại hồng, thông mãi mãi
Nào những kẻ tay trên ban nãy
Đến bây giờ thay thầy dưới tay ta
Tiếng bài cao lưng lấy gần xa
Bát vận ấy người ta ai dám đo
Thế mới biết tổ tôm có đen thì có đỏ
Thì anh hùng vị ngộ có lo chi
Trước sau, sau trước làm gì.

Chợt Giác

Nằm nghe tiếng trống, trống canh ba
Vừa giấc chiêm bao chợt tỉnh ra
Thiên hạ dễ thường đang ngủ cả
Việc gì mà thức một mình ta ?

Chữ Nho

Nào có ra gì cái chữ nho !
Ông nghè, ông Cống cũng nằm co.
Chi bằng đi học làm ông Phán
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò !

Chúc Tết

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau:
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Phen này ông quyết đi buôn cối
Thiên hạ bao nhiêu đũa giã trâu.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc giàu:
Trăm, nghìn, vạn mớ để vào đâu ?
Phen này, ắt hẳn gà ăn bạc
Đồng rụng, đồng rơi, lọ phải cầu.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang:
Đưa thì mua tước; đưa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con:
Sinh năm đẻ bảy được vuông tròn.
Phổ phùng chật hẹp, người đông đúc
Bồng bế nhau lên nó ở non.

Bắt chước ai ta chúc mấy lời
Chúc cho khắp hết ở trong đời
Vua, quan, sĩ, thứ, người muôn nước
Sao được cho ra cái giống người.

Chửi Cậu Ấm

Ấm Kì này đây, tớ bảo này :
Cha con mà phải cái này cay !
Thôi đừng điếu tráp nghênh ngang nữa,
Thằng tiểu Phù Long nó chửi mày.

Cô Hầu Trách Quan Lớn

Chỉ trách người sao chẳng trách mình ?
Mình trung đâu đấy, trách người trinh ? (1)
áo dày cơm nặng bao nhiêu đũa ?
Chiếu cạnh giường bên, mấy hột tình ?
Tơ tóc nổi riêng thì xét nét
Giang sơn nghĩa cả nữ mần thịnh ! (2)
Cổ cong mặt lệnh, người đâu thế ? (3)
Cái cóc bôi vôi khéo đại hình !

(1) Một viên quan vì giới nịnh Tây mà có địa vị, đuổi một cô hầu vì cho cô lẳng lơ.

(2) Tác giả mượn lời cô hầu để vạch mặt viên quan này quên đất nước.

Cô Tây Đi Tu

Rút cái mẻ đay ném xuống sông
Thôi thôi tôi cũng "mét xì" ông !
Âu đành chùa đó, âu đành phật
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng.
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ
Ai ngờ chữ "sắc" hoá ra "không" ! (1)
Tôi đây cũng muốn như cô nhĩ
Cái nợ trâu duyên rũ chữa xong. (2)

Cười Minh

Nước muốn cho trong phải đánh phèn
Cớ sao lại giữ thói bon chen
Sá chi người thế lòng xanh trắng
Chỉ tại thân ta vận đỏ đen
Để bụng phải đeo điều nhẹ nặng
Ôm tai mặc quách tiếng chê khen
Làm chi việc ấy mà lo liệu
Ai nghĩ như ai chả cũng hèn.

Dạ Hoài

Kìa cái đêm nay mới gọi đêm !
Mắt giương, trong bụng ngủ không them
Tình này ai tỏ cho ta nhĩ ?
Tâm sự năm canh một ngọn đèn.

Dại Hận

Dạo này đá chảy với vàng trôi
Thiên hạ mong mưa đứng lại ngồi
Ngày trước biết gì ăn với ngủ
Bây giờ lo cả nước cùng nôi
Trâu mừng ruộng nẻ cây không được
Cá sợ ao khô vượt cả rồi
Tình cảnh nhà ai nông nổi ấy
Quạt mo phe phẩy một mình tôi

Dại Khôn

Thế sự đua nhau nói dại khôn
Biết ai là dại, biết ai khôn
Khôn nghề cờ bạc là khôn dại
Dại chốn văn chương, ấy dại khôn
Này kẻ nên khôn đều có dại
Làm người có dại mới nên khôn
Cái khôn ai cũng khôn là thế
Mới biết trần gian kẻ dại khôn.

Đạo Đức Giả

Hỏi lão đâu ta ? Lão ở Liêm
Trông ra bóng dáng đã hom hem.
Lắng tai, non nước nghe chừng nặng (1)
Chớp mắt trắng hoa, giả cách nhèm (2)
Cũng đã sư mô cùng đưa trẻ (3)
Lại còn tấp tễnh với đàn em.
Xuân thu uớm hỏi đã bao tá ?
Cái miếng phong tình vẫn chữa khem.

(1) Nặng tai.

(2) Giả mắt kèm nhèm để sán lại nhìn gái.

(3) Ra về mô phạm với người ít tuổi.

Đất Vị Hoàng

Có đất nào như đất ấy không?
Phổ phường tiếp giáp với bờ sông
Nhà kia lỗi phép con khinh bố
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng
Keo cú người đâu như cút sắt
Tham lam chuyện thờ rặt hơi đồng
Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh
Có đất nào như đất ấy không?

Để Vợ Chơi Nhặng

Thọ kia mà có biết chằng ? (1)
Con vợ mà kia xiết nói năng !
Vợ đẹp, của người không giữ được
Chồng ngu, mượn đưa để chơi nhặng
Ra đường đáng giá người trinh thực
Trong dạ sao mà những gió trăng
Mới biết hồng nhan là thế thế
Trăm năm trăm tuổi lại trăm thặng !

(1) Một người ở Nam Định tên là Thọ, có vợ đẹp nhưng lẳng lơ

Đêm buồn

Trời không chớp bể với mưa nguồn
Đêm nào đêm nao tở cũng buồn
Bối rối tình duyên cơn gió thoảng
Nhặt phèo quang cảnh bóng trăng sương
Khăn khăn, áo áo, thêm rầy chuyện
Bút bút, nghiên nghiên khéo giờ tuồng
Ngủ quách sự đời thầy kẻ thức
Bên chùa chú trọc đã hồi chuông.

Đêm Dài

Chợt giấc trông ra ngõ sáng lò
Đêm sao đêm mãi thế ru mà
Lạnh lòng bốn bể, ba phần tuyết

Xao xác năm canh một tiếng gà
Chim chóc hãy còn nương cửa tổ
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa.
Nào ai là kẻ tìm ta đó
Đốt đuốc lên soi kẻ lẩn nhà.

Đi Hát Mát Ô

Đêm qua anh đến chơi đây
Giày chân anh dận, ô tay anh cầm.
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy, em hãy còn nằm trơ trơ.
Hỏi ô, ô mắt bao giờ,
Hỏi em, em cứ ưỡm à không thưa.
Chỉ e rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình?

Đi Thi

Táp tễnh người đi tớ cũng đi,
Cũng lều cũng chõng cũng vào thi.
Tiền chân, Cô mất hai đồng chẵn,
Sờ bụng, thầy không một chữ gì !
Lộc nước còn mong thêm giải ngạch
Phúc nhà nay được sạch trương qui.
Ba kỳ trọn vẹn thêm kỳ nữa,
ú ó u ó ngọn bút chì

Đi Thi Nói Ngông

Ông trông lên bảng thấy tên ông
Ông tốp rượu vào ông nói ngông
Trên bảng năm ba thầy cử đội (1)
Bốn kỳ, mười bảy cái ưu thông (2)
Xướng danh tên gọi trên mình tượng
Ăn yên xem ra có thật công
Cụ xứ có cô con gái đẹp
Lăm le xui bố cưới làm chồng.

(1)Thầy cử đội: 52 ông cử nhân đội tên mình (ở dưới tên mình) tức là mình đỗ đầu, trên 52 người khác. Thực ra, theo thường lệ, mỗi khoa thi Hương chỉ lấy 50 cử nhân. Đứng trên 52 người là nói xạo .

(2) Ưu thông: Ưu là điểm cao tột bậc, ưu thông là suốt cả mấy lần đều ưu. Mỗi kỳ thi có 4 lần cho điểm, 4 kỳ là 16, nếu là ưu thông thì cũng chỉ có 16 cái ưu, mà đây là trường hợp rất hiếm, nhưng nhà thơ tự cho mình những 17 cái ưu .

(3) Minh tượng: mình voi. Vị quan đọc danh sách thí sinh trúng tuyển thường ngồi trên mình voi có che lọng.

Đổi Thi

Nghe nói khoa này sắp đổi thi
Các thầy đồ cố đồ mau đi !
Dấu không bia đá còn bia miệng
Vứt bút lông đi, giắt bút chì

Đùa Bạn Ở Tù

Cái cách phong lưu, lọ phải cầu !
Bỗng đâu gặp những chuyện đâu đâu,
Một ngày hai bữa cơm kê cửa,
Nửa bước ra đi, lính phải hầu.
Trong tỉnh, mấy toà quan biết mặt
Ban công ba chữ gác ngang đầu. (1)
Nhà vuông thông thả nằm chơi mát,
Vùng vậy tha hồ thể cũng âu !

(1) Ban công ba chữ : ba chữ khẩu, tạo thành hình cái gông.

ờ râu các cụ khảo quan
nhìn tây đằm... nhớ tú xương
cao xuân tứ

Thân gửi tác giả Sự Muôn Năm Cũ

Thực tình tôi do dự trước khi viết bài này bởi vì tôi nghĩ rằng muốn bàn chuyện khoa cử ngày xưa trước hết mình cũng cần có tí vốn liếng chữ Hán (để tra khảo sách Hán Nôm qua văn bản gốc mỗi khi cần) ít ra như cố ông Trần Văn Tích, mà tôi lèm nhèm chỉ biết dăm ba chữ loại "tam tự kinh". Thêm nữa lại có vấn đề "hồi ty" khi phải đề cập tới những chuyện liên quan đến họ hàng xa gần, dù là chuyện khoa cử lảng nhãng. Nhưng rồi nghĩ lại biết đâu những dòng tản mạn dưới đây có thể giải đáp phần nào một vài thắc mắc có tính cách văn bản học. Không biết chữ Tàu, chữ Nôm thì nhờ người khác đọc, dịch hộ, chẳng chết ai! Và cũng mong rằng các nhận xét cụ thể, kinh nghiệm "thực địa", chút khơi mào về tư liệu, có thể mở ra hướng nghiên cứu mới, đem lại một chút thoáng mát vào một đề tài mà theo tôi, rất là khô khan nếu không có ông... Tú Xương nhúng tay vào một trăm năm trước!

1.

Gần đây trên tạp chí Hợp Lưu số 63 có bài viết của bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh ghi lại những kinh nghiệm, những khó khăn đã gặp phải trong quá trình nghiên cứu chế độ thi cử tại Việt Nam thời trước.

Có một chi tiết làm tôi chú ý. Nhà học giả nhận xét rằng theo Quốc Triều Hương Khoa Lục thì Cao Xuân Dục là chủ khảo kỳ thi hương năm Giáp Ngọ 1894 ở Nam Định, trong khi những hình ảnh do Selles chụp nhân dịp xướng danh khoa Đinh Dậu 1897 (xôm trò vì có mặt toàn quyền Doumer) được in lại trong sách của Daney lại có sự hiện diện của Cao Xuân Dục ở đấy (mà theo bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh là với tư cách chủ khảo kỳ thi Hương này). Như vậy, theo bà, Hương Khoa Lục (mà tác giả là Cao Xuân Dục) đã chép nhầm về khoa thi do chính tác giả làm chủ khảo!

Sở dĩ có sự ngộ nhận này có lẽ vì bà học giả đã quên (hoặc chưa) đọc tiểu sử Cao Xuân Dục nên không ghi nhận thời kỳ ông làm tổng đốc Nam Định-Ninh Bình trong thời gian 1896-1898.

Tiểu sử Cao Xuân Dục cho biết trong quá trình làm việc ở Bắc Kỳ vào thập niên cuối của thế kỷ 19: "...năm 1890 ông được thăng chức tổng đốc Sơn Hưng Tuyên... Cuối năm 1893 ông

cho xuất bản Quốc Triều Hương Khoa Lục phần chính biên. Năm 1894 được cử làm chánh chủ khảo trường thi Hà Nam, sau đó được phong hàm thự hiệp biện đại học sĩ lãnh tổng đốc Nam Định-Ninh Bình... Năm 1898 được điều về Huế làm tổng tài quốc sử quán..."(1). Như vậy lúc ông đang tại chức tổng đốc Sơn Hưng Tuyên thì được cử làm chánh chủ khảo trường thi Hà Nam khóa Giáp Ngọ 1894 (nhà thơ Trần Tế Xương đỗ tú tài khóa này); và sự hiện diện của ông trong lễ xướng danh khóa thi Đinh Dậu 1897 chỉ có tính cách nghi lễ trên cương vị quan đầu tỉnh (tổng đốc Nam Định-Ninh Bình, còn gọi là Nam Ninh tổng đốc) chứ không phải với tư cách chủ khảo khoa này.

Để kiểm chứng, khi nhìn những bức ảnh in lại trong sách của Daney, chỉ có cái ảnh Cao Xuân Dục (ông Tây ghi là le tong doc, đúng quá!) đứng một mình trợ trợ có lọng che(2) là ... Cao Xuân Dục. Còn trong số mấy ông khảo quan ngồi trên ghế cao lêu nghêu không có ông nào là Cao Xuân Dục cả, cho dù có lấy kính lúp xem lòi cả tròng, "sờ cảm đo râu" theo kiểu cảnh sát hình sự, "a-ma-to" kiểu Lê Phong phóng viên (3) hoặc nhờ ông Sherlock Holmes(4) điều tra với sự tiếp sức của anh bạn nói khổ Dr Watson cũng chịu thua không tìm đâu ra cụ Cao! Mà cũng dễ hiểu thôi, ai mà chẳng biết mấy khi quan đầu tỉnh Nam Định lại được cử làm chánh chủ khảo ngay ở trường Nam Định, vì sợ ông sẽ thiên vị sĩ tử tỉnh nhà. Thế là đóng hồ sơ cái rụp, và Sherlock Holmes sẽ nheo mắt bảo anh bạn nói khổ: "Có gì đâu mà phải động não? It's elementary, my dear Watson!"

2.

Và nếu ông Sherlock Holmes buồn... ngủ vì chẳng có việc gì để mà động não, buồn tình tôi cũng sờ... râu con kiến, nghĩ mình cũng nên tìm hiểu về khoa Đinh Dậu 1897 này xem nó ra làm sao. Đàng nào thì cũng phải Redde Caesari quae sunt Caesaris! Khó gì, mở cuốn Hương Khoa Lục ra xem thì thấy ghi rành rọt chủ khảo khoa này là Đồng Sĩ Vịnh, Tả tham tri bộ Lễ sung biện Các vụ, từ Huế ra; phó chủ khảo là Nguyễn Quán, Hàn lâm viện trực học sĩ kiêm toàn tu Quốc sử quán cũng từ Kinh ra. Vậy trong số mấy ông ngồi trên ghế cao lêu nghêu hoặc ngồi ăn yến chắc là có hai ngài này... Có một ông diện mạo oai vệ, đầu chít khăn, phải chăng là Hoàng Cao Khải kinh lược Bắc Kỳ? Xin nhờ Sherlock An Nam nào điều tra hộ xem, bởi vì ở lễ xướng danh hai khoa thi Hương 1891 và 1894 trước đó đều có sự hiện diện của quan kinh lược họ Hoàng (xem ở phần sau), huống chi lần này lại có toàn quyền Doumer mới sang nhậm chức. Và nếu tiếp tục làm việc "nghiêm túc" thì cũng nên tra cứu thêm về hành trạng quan chủ khảo khóa Đinh Dậu 1897: Đồng Sĩ Vịnh, Cụ là ai? Hãy trả về cho César, à quên, cụ Đồng Sĩ Vịnh những gì của cụ, có phải không ạ?

Hương Khoa Lục ghi Đồng Sĩ Vịnh trúng cử nhân khoa Tự Đức Tân Dậu (1861) ở trường thi Thừa Thiên (do Phan Huy Vịnh làm chủ khảo), đỗ thứ 26 trong số 30 ông cống, nhưng không ghi lúc ấy ông bao nhiêu tuổi. Tra thêm Quốc Triều Khoa Bảng Lục, thì không thấy ông đỗ tiến sĩ hay phó bảng(5). Ông quê quán làng Mậu Tài, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên.

Sẵn có Đại Nam Thực Lục(6) đầy đủ 38 tập trong nhà, bèn mở ra xem có thêm dữ liệu gì không, thì được biết hoạn lộ của ông cũng ba chìm bảy nổi, tuy chưa phải lên voi xuống chó như Nguyễn Công Trứ. Năm Tự Đức thứ 27 (1874) Đồng Sĩ Vịnh giữ chức viên ngoại lang ở Cơ Mật viện bị giáng cấp vì việc chiếu chỉ ban hành bắt cập (tên hoạn quan dính líu trong vụ này bị đánh 80 trượng!) Cũng năm ấy ông làm khoa đạo, đàn hạch sứ bộ Phan Sĩ Thực, sau 2 năm đi sứ ở nước Tàu trở về lại đi thẳng về nguyên quán chứ không vào Kinh châu vua ngay. Năm 1876 Đồng Sĩ Vịnh làm bố chính Nam Định, thành bị quân Pháp đánh hạ, ông bị cách chức, phải phạt làm lính đi tiên phong để chuộc tội. Năm 1885 ông lại được triều đình cử làm tuần phủ Ninh Bình nhưng chẳng bao lâu bị quân Pháp bắt giam một thời gian. Về Kinh năm 1887 ông được cử làm phó quản đốc "thông bảo chuyên nha" phụ trách đúc tiền (Đồng Khánh Thông Bảo). Đại Nam Thực Lục tập cuối cùng chép đến 1888 là năm vua Đồng Khánh mất. Như ghi trong Hương Khoa Lục, với tư cách Lễ bộ Tham tri dưới đời Thành Thái ông được cử làm chủ khảo thi Hương trường Hà Nam năm 1897 (lúc này trường

Nam (đã) thi lần với trường Hà - thơ Tú Xương - từ khoa 1886). Với cái đà này chắc ông phải lên tới chức thượng thư trước khi về hưu chẳng chơi! Lọc những cuốn "từ điển danh nhân" không thấy ghi chép gì về Đồng Sĩ Vịnh. Chỉ thấy trong Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam (7) có chép về ông Đồng Sĩ Bình (1904-1930) quán làng Mậu Tài, có hoạt động cách mạng (không nói rõ theo đảng phái hay khuynh hướng nào) và bị cầm tù, đày ải trong nhiều năm.

Họ Đồng Sĩ là một dòng họ lớn ở Thừa Thiên. Tôi nhớ hồi còn bé ở Huế có ông Đồng Sĩ Nga làm tỉnh trưởng vào khoảng 1950 là bạn của thân phụ tôi. Thế nào chẳng có thân thuộc dòng họ này lưu lạc sinh sống ở hải ngoại. Làng Mậu Tài thuộc huyện Phú Vang nằm gần thành phố Huế, tên làng đã đi vào tâm thức dân gian qua những câu ru hời đậm đà mà kẻ sinh đẻ ở Huế như tôi vẫn nhớ hoài:

Ru em cho thóc cho muối
Để mẹ đi chợ mua cau ăn trâu
Mua vôi chợ Quán chợ Cầu
Mua cau Nam Phổ mua trâu chợ Dinh
Chợ Dinh bán áo con trai
Triều Sơn bán nón Mậu Tài bán kim.

Giả sử vào một ngày đẹp trời ông (bà) khách (Việt kiều?) quay gót về thăm chốn Thần Kinh. Sau mấy màn tham quan lãng tẩm, "ngủ đờ", bún bò, cơm hến, bia hơi, khách bắt đầu... chán, cảm thấy ngứa ngáy, định cất bước giang hồ đi nốt chặng đường đất nước, chợt nhớ cái "vấn nạn" thi cử năm xưa: Đồng tiên sinh, cụ là ai? Đất nước đổi mới, đi lại cũng dễ, khách bèn rời khách sạn (nhà nghỉ, nhà khách??), bỏ dăm ba đôn (euro còn ít người xài), mượn chiếc xe (ôm) phóng về làng Mậu Tài - không phải đi mua kim chỉ đâu nhá mà để làm một chút "điền dã". Vâng, tìm đến từ đường họ Đồng Sĩ, biết đâu trên bàn thờ lại chẳng có bức chân dung của cụ Đồng Sĩ Vịnh. Nhấn nha đọc một vài câu đối (nếu biết chữ Hán!), ngắm bức hoành phi, hỏi chuyện với hậu duệ 3, 4 đời của cụ, tò mò xin cho xem cuốn gia phả, chắc là có vài dòng ghi lại chặng đường khảo quan của tiên sinh ở xứ Bắc kỳ Bảo hộ vào thời kỳ "quá độ tây-ta" thừa xa xưa ấy... Việc này thực hiện dễ như chơi, nếu... muốn.

3.

Gần đây có dịp về Việt Nam tôi thử làm một chuyến "giang hồ văn hóa vật", gọi là lần theo dấu chân của tiền nhân, để xem dấu vết còn lại có đúng như đã ghi trong hành trạng cụ cố tôi là Cao Xuân Dục khi ông làm việc ngoài Bắc. Tôi đã "khám phá" được gì? Có ông bạn (thông thạo chữ Hán là cái chắc rồi) chỉ cho tấm bia ở chùa Đồng Quang (Hà nội) cạnh gò Đống Đa, ghi lại việc tu sửa chùa này với sự góp sức của Cao Xuân Dục khi ông làm bố chính Hà nội (1886) cùng với tổng đốc Lê Đình và khâm sai Nguyễn Trọng Hợp (8). Thời gian ông làm Sơn Hưng Tuyên tổng đốc còn để lại di tích ở chùa Thầy, và ở động Hoàng Xá hiện nay vẫn còn tượng Cao Xuân Dục được khắc ở vách. Trong Long Cương Văn Tập (9) lưu ở viện Hán Nôm (Hà nội) có ghi lại bài văn bia ông soạn nhân dịp trùng tu văn miếu ở Sơn Tây. Tôi chưa có dịp tìm xem và không rõ bia này có còn không.

Thời gian ông làm tổng đốc Nam Định-Ninh Bình (1896-1898) còn để lại khá nhiều vết tích: những bi ký do ông soạn trong dịp trùng tu các di tích lịch sử rải rác đó đây, như ở nền nhà Hưng Đạo Đại Vương (Tức Mặc), đền Không Lộ (nội thành Nam Định cũ)... Đặc biệt là văn bia do Cao Xuân Dục soạn năm Thành Thái thứ 13, 1901 (lúc này ông đã vào Huế làm việc ở Quốc Sử Quán) nhân dịp trùng tu xong Phủ Giấy Ván Cát ở ngoại thành Nam Định. Tên bia là "Thánh Mẫu Cổ Trạch" (nhà ở ngày xưa của Thánh Mẫu - Liễu Hạnh, CXTừ chú), "Linh Từ Bi Ký" (bia ghi chép về ngôi đền thiêng), nội dung cho biết: "Phủ Văn Cát ... dựng từ đời Lê Cảnh Trị (10), đời Cảnh Thịnh (11) mở rộng ra, đến năm kỷ mao (1879) đời Tự Đức được sửa sang, lợp mái lại. Năm Thành Thái thứ 10 (1898) đền bị hư hại vì mưa gió, quan huyện hợp sức với quan tỉnh vận động quyên góp công đức, cùng với thân hào đứng ra tu sửa, đến năm Thành Thái thứ 12 (1900) thì xong..."

Văn bia này dựng ở Ngũ Vân Lâu phía trước Phủ Giầy, là một trong những địa điểm thờ Mẫu nổi tiếng ở miền Bắc (ngang hàng với Phủ Tây Hồ ở Hà Nội, đền Sòng ở Thanh Hóa...) Qua bao lớp sóng phé hưng, cải cách ruộng đất, đấu tố, bom đạn... Phủ Giầy Vân Cát (Vân Cát nữ thần: mẫu Liễu Hạnh, CXTứ chú) vẫn còn đó, văn bia vẫn còn đây (mới 100 năm thôi mà!). Công trình kiến trúc hiện nay theo dạng trùng thiêm, hình chữ "quốc", là kiểu phổ biến đời Nguyễn. Ngày nay trong bầu không khí đổi mới, thời "nhang khói thị trường", vào dịp hội lễ hàng năm vào tháng Ba âm lịch, hàng ngàn người đổ xô về Phủ Giầy cầu xin lộc thánh (mẫu), chen lấn xem lên đồng, làm mỗi rất ư là ngon cho... bọn móc túi!

Tôi đến đây một chiều đông giáp Tết, trời rét căm căm, thành ra không được thấy cảnh nhộn nhịp này, nhưng lại được thưởng thức mấy quả chuối ngự mua ở cổng đền, đặc sản xứ Sơn Nam Hạ ("ăn chuối ngự, đọc thơ... Xương"), bé bằng ngón tay mà cực kỳ... ngon. Lác đác mấy bà sồn sồn phấn son lòe loẹt vào đền khấn vái (cầu tài? giấc mơ hồi xuân?) và một cặp còn trẻ đáng điệu ngo ngoặc, hỏi ra thì họ đến đây để cầu tự.

Chẳng phải vì tình cờ mà bài thơ "Phủ Giầy" của tôi (Hợp Lưu số 65) có mấy câu:

...
tình đói ăn xin
mút mùa chiêm
từng bát từng bát
đong nổi cô đơn vàng mã
em phủ phục
huyền thoại mẫu nào cụ thể hơn
giấc mơ phồn thực
và tôi chờ khói hương
đi vào vận hội
...

4.

Có thể nói cuộc đời ngắn ngủi (37 năm) của nhà thơ Trần Tế Xương đã nổi trôi theo những mùa thi ở thành Nam, nơi ông sinh trưởng: ông đi thi những tám lần mà chỉ được mỗi một chân Tú tài. Những khoa thi này vẫn còn sống mãi trong tâm tưởng (một vài) chúng ta cũng nhờ những vần thơ trào lộng của ông.

Khoa thi Đinh Dậu 1897 thiên hạ nháo cả lên vì có tân toàn quyền Đông Dương Paul Doumer dùng đường thủy tới dự lễ xướng danh, nào lính nào tàu chiến hộ tống, đại bác bắn chỉ thiên ra oai, chả là lúc ấy dư luận xôn xao về vụ Kỳ Đồng khởi nghĩa. Ngoài Doumer còn có sự hiện diện của thống sứ Bắc Kỳ Fournès và công sứ Nam Định Lenormand. Cái hoạt cảnh Tây Ta "giao lưu" được ghi lại thật sống động, như những hình ảnh của một bài phóng sự chớp nhoáng hay một cuốn phim thời sự đập ngay vào mắt:

Lọng cắm rợp trời quan sứ đến
Váy lê quét đất mụ đầm ra
Hoặc:
Trên ghé bà đầm ngoi đít vịt
Dưới sân ông cử ngoảnh đầu rồng.

Theo Nguyễn Văn Hoàn (12) thi ngay ở khoa Tân Mão (1891) đã có "Tây" về dự: thống sứ Bắc Kỳ Neyret đi cùng với kinh lược Hoàng Cao Khải. Nhà văn Nguyễn Tuân đã ghi lại lễ xướng danh khoa Giáp Ngọ (1894) là khoa Tú Xương đỗ tú tài, cũng có Tây đến "quây". Với giọng khinh bạc thường lệ, chả cần tuân thủ một quy luật văn bản học nào hết, ông viết: (13)

"Ở một đồng giấy lộn trong thúng một bà đồng nát bán rong sách báo Tây cũ làm giấy gói hàng ở dọc phố Lãn Ông Hà Nội, thấy có những tờ rời nói về khoa thi hương Giáp Ngọ (1894) ông Xương đỗ tú tài rằng:

"Trường thi Nam Định năm 1894 đông như kiến cỏ...Kỳ đệ nhất vào ngày 25-10-1894, kỳ đệ nhị ngày 15-11. Kỳ đệ tam 25-11. Vào kỳ phúc hạch đệ tứ là ngày 2-12-1894. Ngày 8-12-1894 là lễ xướng danh những người đỗ. Tiếng loa ran lên, ồm ồm lanh lảnh. Tiếng í ới gọi nhau lạc đường của các thầy khóa, của tiểu đồng lão bộc quần gian nhỏ lều đội chông ra về. Đám đông lên tới hai mươi nhăm ngàn người. Lễ xướng danh từ sớm cho đến chiều. Quan toàn quyền (De Lanessan, CXTứ chú) bận không đến, có quan cai trị (thống sứ) Moren thay mặt...Xướng xong tên 60 cử nhân tân khoa thì quan Moren về. Các ông tân khoa phục lạy. Ở tỉnh đường quan tổng đốc, quan kinh lược Bắc Kỳ (Hoàng Cao Khải, CXTứ chú) ban mũ, ban áo tấc xanh, ban ô, ban tráp sơn nó là những huân hiệu cụ thể của người men chân lên cái thang hoạn lộ...Ngày yết bảng ấy được kết thúc nhộn nháo la đà ở toà sứ Nam Định bằng một tiệc rượu, nhẩy đầm có mặt đủ các thứ tai họng tai mũi thực dân nứt mắt cũng như xòm xòm (...)

Tú Xương đỗ tú tài thêm thủ (lấy thêm) khoa Giáp Ngọ 1894 do Cao Xuân Dục làm chủ khảo. Chỉ có một lần nhà thơ nhắc đến "thượng Cao" trong bài tứ tuyệt:

Này này hương thí đỗ khoa nào
Nhân hậu thay lòng quan thượng Cao
Người ta thi chữ ông thi phúc
Dù được dù không cũng muốn vào (14)

Đối tượng "ông" ở đây được hiểu khác nhau. Lãng Nhân Phùng Tất Đắc (nhà báo lão thành gốc Nam Định) cho rằng đây là nói về một vị họ Từ, "quan thượng Cao Xuân Dục làm chủ khảo thi Hương đã rộng rãi cho ông đỗ, nay ông thi tiến sĩ nữa thì ra ông thi bằng phúc ẩm tổ tiên..." Ông này vào kinh đô luôn tiến sĩ, sau lần lượt làm tri phủ (Xuân Trường), đốc học (Nam Định), tuần phủ (Ninh Bình) (15)... Tựa đề mỗi người đặt một cách: "Thi Phúc" (Nguyễn Văn Huyền et al), "Gửi bạn đi thi" (Sở Cường Lê Dư), "Gửi bạn thi đỗ" (Vũ Đăng Văn; Hoàng ngọc Phách, Lê Thuớc & Đỗ Đức Hiểu) (16)

Thượng (17) Cao là "Cao Xuân Dục, một vị chánh chủ khảo hồi bấy giờ được sĩ tử ca ngợi là nhân hậu" (theo Nguyễn Văn Hoàn) (18). Nguyễn Văn Huyền et al ghi: "từng làm tổng đốc Nam Định, thượng thư bộ học. Khoa thi hương này ông được cử làm chánh chủ khảo, có tiếng là nhân hậu, chấm nói tay."

Chắc Tú Xương cũng có thiện cảm đối với chủ khảo khoa thi đã chấm cho mình đỗ lần đầu (và cũng là lần cuối) trong cái nghiệp lều chõng, dù chỉ đỗ tú tài vớt. Nhân hậu là phải. Ai chả biết nhà thơ đã không tiếc lời đã kích các học quan, khảo quan mà ông cho là "xí trai", dốt hoặc tham nhũng. (19)

Ở phố hàng Song thật lắm quan
Thành thì đen kịt, đốc thì lang

Thành là quan giữ thành tên là Pháo. Đốc là quan đốc học tên Kinh (hay Ưông?), ông này da mặt loang lổ (dân Huế gọi là bị "lác").

Dù bản thân là tay chơi có hạng ("bài bạc kiêu cờ cao nhất xứ", "cao lâu ăn qu?/ thỏ dĩ chơi lờng") "ăn chơi liêu lĩnh, tứ đốm tam khoan"), ông lại căm ghét hạng học quan ham vui cờ bạc:

Ông về đốc học đã bao lâu
Cờ bạc rong chơi rất một màu

Và dù tự trào đi thi "sờ bụng không một chữ gì", ông chế một khảo quan gốc gác tỉnh nhà gia đình vốn làm nghề bán thuốc bắc:

Sơ khảo khoa này bác cử Nhu
Thực là vừa dốt lại vừa ngu...

Một ông buôn sắt giả danh thầy đồ bị nhà thơ giễu toi bời:

Hỏi thăm quê quán ở nơi mô
Không học mà sao cũng gọi đồ

...

Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt
Mũi nó gồ gồ, trán nó giô.

Một ông huyện được cử phụ trách việc trường quy ở kỳ khảo (thi thử) cho thí sinh sắp đi thi Hương, dốt quá đến nỗi có chuyện tráo bài mà không hay:(20)

Thánh cất ông vào chủ việc thi
Đêm ngày coi sóc chốn trường quy
Chẳng hay gian dối vì đâu vậy?
Bá ngọc thằng ông biết chữ gì!

Có bản chép "đều mẹ" thay vì "bá ngọc" (tiếng nhà chùa).
Khoa Canh Tý (1900) Tú Xương lại hỏng. Kỳ này có hai tay hay chữ là Vũ Tuấn và Lê Sĩ Nghị tranh nhau ghé khôi nguyên:

Hai đũa tranh nhau cái thủ khoa
Tuân khoe văn hoạt, Nghị văn già

Vũ Tuấn đỗ giải nguyên, năm sau vào kinh lại đỗ phó bảng. Khoa thi hội Tân Sửu (1901) này do Cao Xuân Dục làm chủ khảo. Cái tiếng "nhân hậu" của ông được biểu hiện một lần nữa khi ông "vớt" thêm bốn người cho vào thi Đình trong đó có Nguyễn Sinh Huy là thân phụ Hồ Chí Minh. Ông còn xin vua (Thành Thái) cho những người đỗ phó bảng như các ông Tuấn, Huy (trước tên là Sắc) và Phan Chu Trinh cũng được ban áo mũ, cấp ngựa trạm vinh quy bái tổ. Đây là một tiền lệ trong chế độ khoa cử triều Nguyễn (21).

Còn Lê Sĩ Nghị á nguyên sau này không đỗ đại khoa, mặc dù tầm tiếng ông đã nổi như cồn từ sáu năm trước. Lãng Nhân viết (22):

"(...) Năm Giáp Ngọ (1894) mới 17 tuổi, đã về thi hương tỉnh Nam Định. Sĩ tử nghe tiếng ông đều lấy làm ngại. Kỳ đệ nhất ông làm tới bảy bài kinh nghĩa. Lệ thi hương chỉ bắt buộc có 2 bài, một bài kinh làm theo điển cổ Ngũ Kinh, một bài truyện lấy Tứ Thư làm tài liệu, ông đã làm tất cả 5 bài kinh và 2 bài truyện, bảy bài đều được phê ưu, thật là một kỳ lục. Nhưng sau xét lại một bài truyện, đầu bài là: Đạo chi tương hành dã dư (đạo của ta nếu gặp lúc được thi hành) lấy chữ Luận ngữ, ông chép đầu bài vô ý bỏ mất chữ dã. Như thế là phạm trường quy, dẫu văn hay đến đâu cũng phải ra bằng con, nghĩa là hỏng.

"Song quan trường có ý tiếc tài. Ngày ra bằng kỳ đệ nhị, chánh chủ khảo Cao Xuân Dục cho loa gọi ở cửa trường: thí sinh Lê sĩ Nghị ở Hưng Yên, vào cho quan trường hỏi. Ông vào thì chủ khảo phàn nàn cho ông bị hỏng, ủy lạo và tặng ông bài thơ:

Vũ trụ vô hoàn cục
Giang sơn tái tú linh
Kim quân di nhất dã

Ngô đạo ký chung thành

"(Trong vũ trụ không có cuộc nào hoàn toàn/ non sông ta vẫn còn linh khí/nay phải bỏ sót ông là một vậy/đạo ta mong có lúc được thịnh hành)

"Bài thơ có ý dụng tâm, câu thứ nhất thứ hai rút ở chính bài kinh nghĩa của họ Lê làm:

Vũ trụ hoàn toàn chi cục
Giang sơn bằng tái tú chi linh

"Câu thứ ba: tiếc ông là bậc nhân tài bị rớt lại và ngụ ý đầu bài ông bỏ sót chữ đã.

"Câu thứ tư: mong ông sau này thành đạt.

"Thi hỏng ông trở về cố gắng học thêm. Đến khoa Đinh Dậu (1897) lại hỏng. Cách ba năm sau, khoa Canh tý (1900) đỗ á nguyên (...)

Lăng Nhân Phùng Tất Đắc là nhà báo kỳ cựu ở Bắc kỳ, thông thạo tiếng Pháp lẫn chữ Hán. Ông là người đã chỉnh lại họ tên chính thức của Tú Xương là Trần Tế Xương (chứ không phải Kế) trên báo Đông Tây năm 1932 (23). Di cư vào Nam ông nổi tiếng với Kim Lai Ân Quán và Nam Chi Tùng Thư, in ấn đẹp (nhất?) Sài Thành một thời. Sau 1975 ông sang tị nạn ở Anh. Bài viết trong Giai Thoại Làng Nho (in lần đầu năm 1966) không biết trước đây đã đăng ở báo nào chưa, nhưng những chi tiết về Lê Sĩ Nghị, các khoa thi, chủ khảo...khi đối chiếu đều đúng rập theo nguồn tư liệu "gốc" cũng như qua thơ Tú Xương. Thế thì nội dung cụ thể các bài thi, ngay cả đầu đề ở khoa thi Giáp Ngọ 1894, về trao đổi giữa chủ khảo Cao Xuân Dục và thí sinh Lê Sĩ Nghị, Lăng Nhân lấy từ đâu ra nhất là bài thơ đầy ý nhị: vũ trụ vô hoàn cục?

Trong dịp về Việt Nam gần đây, tôi được biết ở viện Nghiên Cứu Hán Nôm còn một số sách tựa đề Hà Nam Hương Thí Văn Tuyển. Đây là những tuyển tập nhiều bài kinh nghĩa, văn sách, thơ phú chọn lựa trong các kỳ thi Hương của trường Hà Nam được in ra thành sách, liên quan đến các khoa thi Giáp Ngọ (1894), Đinh Dậu (1897) Canh Tý (1900), Canh Tuất (1909) và một cuốn chép tay về khoa thi Bính Tuất (1886). (24) Trong Long Cương Văn Tập (25) có một bài sớ của Cao Xuân Dục tâu vua xin cho khắc in những bài văn làm trong các khoa thi, như vậy việc cho in các tập văn tuyển về các kỳ thi này là do ông khởi xướng. Tôi chưa có dịp khảo chứng ngọn ngành về cuộc trao đổi giữa Cao Xuân Dục và Lê Sĩ Nghị như Lăng Nhân ghi lại, nhưng cũng đoán là từ Hà Nam Hương Thí Văn Tuyển mà ra. Đây là nguồn tư liệu phong phú cho những ai muốn đào sâu vào nội dung đề tài khoa cử vào những năm đầu thời kỳ thuộc Pháp.

5.

Nam Định, ngày cuối đông...Buổi sáng mờ sương, lạnh buốt, tôi rời nhà khách đi lang thang. Vào quán cóc mua một bát cháo lòng cho ấm dạ. Hỏi mãi không tìm đâu ra quán cà phê nhân nhi một cái "phin" cho tỉnh người, cùng lắm nước sôi cà phê bột cũng cam. Thoáng nhớ Tú Xương chỉ thích "một trà một rượu một đàn bà", biết đâu dân Nam Định theo gương ông không xài cà phê. Rượu, đàn bà thì sớm quá, mới tám giờ sáng. Lại không quen cái tật "chén trà trong sương sớm" của Nguyễn Tuân. Đi bộ hơn cây số thì đến bờ hồ. Dưới vòm cây rậm rạp hiện ra một quán lợp lá quảng cáo các món nhậu. Ngoài hiên là mấy cái bàn ghế plastic thấp lè tè. May quá ở đây có cà phê, lại "phin". Ông chủ ngồi chồm hổm nhỏ lông con ngan vừa cắt tiết xong, đựng trong một cái chậu. Lạnh thế này mà chỉ mặc độc cái mai-ô. Có tiếng cười khúc khích. Phóng mắt nhìn quanh. Một cặp trai gái đang đứng đờn trên chiếc võng mắc ở góc sân, cạnh chiếc xe máy hiệu Dream mới toanh. Nhìn chiếc giày cô gái gót cỡ một tấc nằm chổng gọng trên cỏ, đầu tôi bỗng vang lên chí cha chí chất khua giày dép, đen thủi... Cô chủ bưng cà phê tới, mắt đá lông nheo: "Anh hai đi chơi đâu sớm thế!" Ôi que

hương Tú Xương! Sinh hoạt thị dân thành Nam một thế kỷ sau, bước vào thiên niên kỷ mới, vận hội mới, bụi ơi là bụi. Tự hỏi phố hàng Thao ông chơi ả đào ngày xưa bây giờ nằm đâu. Gì chứ hát caraôkê thì ngõ ngách nào mà chẳng có. Định chiều nay tìm đến phố hàng Nâu (bây giờ là phố Minh Khai) đến thăm nhà cũ cụ Tú. Quay mặt nhìn ra hồ. Một vài sợi nắng thoi thóp. Nước Vị Hoàng có thời đã liếm láp bờ cỏ này? Trường thi Mỹ Lộc thừa trước bây giờ ở đâu? Chợt nhớ đêm qua ông bạn đọc cho câu thơ Nguyễn Bính: lỡ duyên bụi tóc củ hành, trường thi Nam Định biến thành trường bay... Úi cha!

Lần bước đến viếng mộ nhà thơ nằm cạnh hồ. Mộ làm bằng đá xây hình chữ nhật, khá bề thế, xung quanh hoa cỏ tươi mát. Sáng nay chỉ có mỗi mình tôi. Tấm bia cẩm thạch màu xanh lục sáng loáng, một mặt khắc hai câu trong bài thơ cảm hoài:

Vắng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò

Mặt kia ghi lại hai câu Yên Đổ phúng Tú Xương:

Này ai chín suối Xương không nát
Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn

Lãng Nhân ghi "miệng vẫn còn". Vâng, lại vấn đề văn bản học. Tiếng thì tốt mà miệng lại đọc. Bia miệng mà. Miệng thì cần gì văn bản chính xác. Cứ nhớ mà chép ra. Thơ Tú Xương cũng thế, không còn bản gốc, dù chỉ mới trăm năm ("trong cõi người ta"). Tam sao thì thất bản. Sàng lọc "nghiêm túc" còn được hơn trăm bài. Theo phương pháp sờ ngọn tìm gốc. Mở cuốn sách Tú Xương: Tác phẩm - Giai thoại (26) in năm 1986 đã long gáy ông bạn biểu làm quà, ở ngay trang đầu phần giới thiệu Nguyễn Đình Chú trích hai câu Này ai chín suối... Nhưng ông giáo sư lại "bật mí": "...gần đây đã có người cải chính rằng đó là hai câu đối ở cột lảng của Đoàn Triển (27) tại làng Hữu Thanh Oai, nhưng từ lâu nhiều người vẫn tin là của Nguyễn Khuyến viếng Tú Xương. Sự lầm lẫn này nếu đúng là lầm lẫn, thì cũng đã dựa trên một điều rất đáng có, rất muốn có" (chữ nghiêng của tôi).

Vâng, dù gì cũng đã khắc vào bia rồi. Tam nguyên Yên Đổ viếng ông Tú Vị Xuyên hai câu để đời. Ông nghe hiển đạt nửa đường từ quan về già ngã nón chào ông tú một đời lận đận chết yểu. Giao tình giữa hai đại thụ thơ quốc âm cuối thế kỷ 19, mỗi người một vẻ "rất đáng có". Cái bóp chác thị thành và cái yên ắng nông thôn, yin yang hài hoà, hai mặt của cùng một cái mè dai văn chương, thật là "rất muốn có" cho một chặng đường văn học chính thống đang độ chuyển mùa sang thế hệ Tản Đà. Sờ ngọn tìm gốc làm chi cho mệt. Truyền thống phải thế. Có gấp nhảm chút xương cũng chẳng sao, bởi vì máu thịt thì đã ngấm vào mạch thơ dân tộc rồi...Biện chứng là phải thế...

Cũng may là mình mù Hán tịt Nôm.

[Cao Xuân Tứ](#)

Amsterdam tháng 8. 2002

CHÚ THÍCH

(1) Quốc Triều Hương Khoa Lục, tác giả Cao Xuân Dục; Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính và giới thiệu, NXB TPHCM, 1993. Phần tiểu sử tác giả dựa trên tài liệu (chữ Hán) An Xuân Nam Cao Xuân Dục lý lịch (còn lưu lại ở Viện Nghiên Cứu Hán Nôm) và bài "Notices nécrologiques S.E Cao Xuan Duc" củ? Charles Patris (Bulletin des Amis du Vieux Hue, 1923). Thực ra lúc mới về Huế năm 1898 ông chỉ làm phó tổng tài quốc sử quán, đến 1903 mới chính thức giữ chức tổng tài.

(2) Lúc còn ở Saigon tôi đã được xem một số ảnh Cao Xuân Dục ở nhà bà cô là Cao Ngọc Anh (1877-1970), và tại nhà một số họ hàng như các anh Cao Xuân Thiệu (đã mất), Cao

Xuân Vỹ (hiện ở Mỹ), khi thì ông mặc triều phục, khi áo the, lúc mũ cánh chuồn, lúc khăn đóng. Có điều làm tôi chú ý nhất là bộ râu thật đẹp, thật sum suê của ông chẳng thua gì "Tây", hơn xa các vị đồng liêu trong phủ phụ chính chụp chung trong một tấm ảnh đầu đời Duy Tân (cố ngoại tôi là Tôn Thất Hân râu cũng vào hạng khá, ông Nguyễn Hữu Bài rõ ràng "no hair", có lẽ ông không (để?) râu). Sau này Bác sĩ Cao Xuân Cẩm (1906-198?) sinh thời ở Paris lúc xem cuốn sách của Daney có chỉ cho tôi cái ảnh Cao Xuân Dục đứng một mình (lúc ông mới ngoài ngũ tuần) và đề nghị nên chụp lại, in ra nhiều tấm để phát cho bà con. Trong bài của Charles Patris cũng có in lại một số ảnh Cao Xuân Dục ở nhiều thời điểm khác nhau.

(3) Nhân vật trong truyện trinh thám của Thế Lữ

(4) Nhân vật trong truyện trinh thám của Sir Arthur Conan Doyle

(5) Quốc Triều Khoa Bảng Lục của Cao Xuân Dục, Trúc Viên Lê Mạnh Liêu dịch, Nguyễn Đăng Na hiệu đ6nh, NXB Văn Học, Hanoi 2001. Cuốn này trước đây dưới tựa đề Quốc Triều Đăng Khoa Lục đã được Trung Tâm Học liệu Bộ Văn Hóa Giáo Dục & Thanh Niên in lần đầu 1962, tái bản 1972 tại Saigon.

(6) Đại Nam Thực Lục Chính Biên, từ quyển 33 đến 38, Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Bản dịch Viện Sử Học, NXBKHXH, Hanoi 1975, 1976, 1977

(7) Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam của Nguyễn Q.Thắng & Nguyễn Bá THẾ, NXBKHXH, Hà nội 1992

(8) Về sau Cao Xuân Dục và Nguyễn Trọng Hợp trở thành thông gia: bà Cao Ngọc Anh (tên thật Cao Thị Hoà) là kế thất của án sát Nguyễn Duy Nhiếp và là kế mẫu của tiến sĩ Hán học Nguyễn Sĩ Giác có thời giảng dạy ở Đại học văn khoa Sài gòn). Về tiểu truyện Cao Ngọc Anh, xin xem "Giai Thoại Làng Nho Toàn Tập" của Lãng Nhân , Nam Chi Tùng Thư, Saigon, 1966.

(9) Sách chữ Hán. Ký hiệu VHv. 1573h Viện Hán Nôm (Hà Nội), gồm các bài biểu, sớ, tựa sách, văn tế, văn bia... của Cao Xuân Dục.

(10) Lê Huyền Tông (1663-1671)

(11) Vua Cảnh Thịnh (Nguyễn Quang Toản) nhà Tây Sơn (1793-1800)

(12) Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam - giai đoạn nửa cuối thế kỷ 19, NXB Văn Học Hà Nội, 1964, in lại trong Trần Tế Xương, về Tác Gia và Tác Phẩm, NXB Giáo Dục, Hà Nội 2001.

(13) Thời và Thơ Tú Xương, tạp chí Văn Nghệ, 5-1961, in lại trong Trần Tế Xương, về Tác Gia và Tác Phẩm, SDD.

(14) Đây là theo Lãng Nhân. Các bản khác chép : "Dù dờ dù hay ông cũng vào".

(15) Chơi Chữ, tái bản ở Mỹ, Zieleks Co, Houston, Texas, 1978

(16) Xem Tú Xương: Tác phẩm-Giai thoại, Nguyễn văn Huyền chủ biên, Đỗ Huy Vinh và Mai Anh Tuấn sưu tầm và khảo dị văn bản, Nguyễn Đình Chú giới thiệu. Hội Văn học Nghệ Thuật Hà Nam Ninh, 1986

(17) Gọi "thượng" là vì tổng đốc ngang với hàm thượng thư (chánh nhị phẩm dưới triều Nguyễn bắt đầu đời Minh Mệnh, theo Việt nam sử lược của Trần Trọng Kim). Mãi đến 1907 Cao Xuân Dục mới được cử làm thượng thư bộ học.

(18) Xem chú thích 11, SĐD

(19) Về những câu thơ trích và chú giải kèm theo, chủ yếu tôi dựa theo cuốn *Tú Xương: Tác phẩm - Giai Thoại* (SĐD) mà vẫn bản, theo Đoàn Hồng Nguyên trong kỷ yếu Trường ĐHSPTPHCM 1999, là đáng tin cậy hơn cả.

(20) *Tú Mỡ: Tính chất trào lộng trong thơ Tú Xương*, Tạp chí Văn Học, Hà nội số 11, 1969, trích trong *Tú Xương: Tác phẩm - Giai thoại*, SĐD

(21) *Quốc Triều Khoa Bảng Lục*, SĐD. Về chút ơn thừa vua ban ngày tàn dư của nền Hán học, người con cả của ông là Cao Xuân Tiếu (1865-1939) đỗ phó bảng khoa Ất mùi (1895) sáu năm trước không được hưởng. Sau này hai con rể ông là Lê Xuân Mai (1874-1945) và Hoàng Tăng Bí (1881-1939) cùng đỗ phó bảng khoa Canh Tuất (1910) được hưởng vinh dự này. Người con rể đầu là Đăng Văn Thụy đỗ hoàng giáp đình nguyên khóa Giáp Thìn (1904) đương nhiên được hưởng quy chế vinh quy bái tổ. Những chi tiết này được chép theo gia phả.

(22) *Giai Thoại Làng Nho*, SĐD

(23) Theo Vũ Đăng Văn trong *Thân Thế và thơ văn Tú Xương*, Cây Thông. Hà Nội 1951, trích trong *Tú Xương: Tác phẩm và Giai thoại*, SĐD trang 49.

(24) Ký hiệu ở thư viện Viện Hán Nôm: VHv 323 khoa Bính Tuất (1886) bản viết tay; VHv 1125 khoa Giáp ngọ (1894) bản in; VHv 656 khoa Đinh Dậu (1897) bản in; VHv 658 khoa Canh Tí (1900) bản in; VHv 1632, VHv 2607 và A 3014 khoa Quý Mão (1903) là 3 bản in dày mỏng khác nhau của Gia liểu Đường. Trong một vài cuốn còn có thêm phần phụ lục về một số bài văn chọn lọc ở các khoa thi hội và thi đình, ví dụ VHv 658 khoa Canh Tí (1900) có thêm hội thi văn tuyển khoa Tân Sửu (1901) v.v... Nhân đây tôi xin cảm ơn cô Nguyễn Thu Hương ở Khoa Sử trường Đại Học KHXH và Nhân Văn Hà Nội đã vào viện Hán Nôm thu thập giúp những thông tin này, đồng thời ghi chép và dịch hộ bài văn bia ở Phủ Giấy Vân Cát (Nam Định).

(25) Xem chú thích 9, SĐD

(26) Theo Nguyễn Đình Chú: *Đoàn Triển 1854-1919*, hiệu Mai Viên, quê làng Hữu Thanh Oai. đậu cử nhân, làm quan đến hàm hiệp biện đại học sĩ, có trước tác. Theo *Hương Khoa Lục* ông đỗ cử nhân năm 1886 trường Hà Nam-Ninh Bình, có lần làm viên ngoại lang ở nha kinh lược Bắc Kỳ, gia đình đỗ đạt nhiều.